

định mục tiêu tổng quát của quá trình đổi mới nói riêng và quá trình xây dựng chủ nghĩa xã hội ở nước ta nói chung, là phấn đấu vì dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Hội nghị đã chỉ ra 4 nguy cơ mà đất nước ta phải vượt qua. Đó là tụt hậu ngày càng xa hơn về kinh tế so với nhiều nước trong khu vực và trên thế giới; chệch hướng xã hội chủ nghĩa; tệ quan liêu tham nhũng; “diễn biến hoà bình” của thế lực thù địch. Hội nghị đưa ra quan điểm về công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước trong thời kỳ quá độ lên chủ nghĩa xã hội; xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa; xác định phát triển kinh tế là nhiệm vụ trọng tâm, xây dựng Đảng là then chốt; an ninh, quốc phòng là trọng yếu.

Thực hiện Chỉ thị số 26-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khoá VII), ngày 02-8-1993 về Hội nghị Đại biểu của Đảng giữa nhiệm kỳ, trong 2 ngày 26 và 27 tháng 3 năm 1994, Đảng bộ Nam Hà tiến hành Hội nghị Đại biểu giữa nhiệm kỳ (khoá VIII) tại hội trường 3-2, thành phố Nam Định. Tham dự Hội nghị có 207 đại biểu. Về dự và chỉ đạo Hội nghị có đồng chí Nguyễn Văn An, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương cùng đại diện các bộ, ngành Trung ương. Hội nghị phân tích, đánh giá sự lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII, từ khi tái lập tỉnh năm (1992-1993), tiếp tục đề ra chủ trương, giải pháp nhằm thực hiện thắng lợi các mục tiêu, chỉ tiêu kinh tế - xã hội và xây dựng hệ thống chính trị do Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ VIII đề ra.



*Đồng chí Đỗ Mười, Tổng Bí thư Ban Chấp hành  
Trung ương Đảng (bên phải) về thăm thị trấn Quế,  
huyện Kim Bảng, ngày 16/2/1994*

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị Đại biểu toàn quốc giữa nhiệm kỳ (khoá VII) nhằm phát huy hiệu quả thực hiện mục tiêu kinh tế - xã hội trong những năm đầu tái lập tỉnh, đồng thời tìm ra những giải pháp khắc phục những yếu kém, khuyết điểm trong quá trình lãnh đạo, Hội nghị đề ra phương hướng, nhiệm vụ xây dựng phát triển kinh tế - xã hội trong 2 năm 1994-1995: Tiếp tục tập trung đẩy mạnh sản xuất nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, thâm canh, phát triển toàn diện. Đẩy nhanh tốc độ phát triển sản xuất công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp; mở rộng ngành nghề, dịch vụ và xuất khẩu; tạo điều kiện cho các thành phần kinh tế phát triển. Từng bước cải thiện và nâng cao đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế của tỉnh đến năm 1995 là nông nghiệp đạt 45%; công nghiệp - xây dựng đạt 20%; dịch vụ - xuất khẩu đạt 35%.

Tăng cường củng cố quốc phòng, an ninh địa phương vững mạnh, giữ ổn định chính trị trong điều kiện kinh tế mở; phấn đấu vượt qua 4 nguy cơ. Tăng cường công tác xây dựng Đảng, phát huy hiệu lực quản lý, điều hành của hệ thống chính quyền, thực hiện tốt dân chủ và công bằng xã hội.

Hội nghị bầu bổ sung 5 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá VIII.

Tuy nhiên, công tác xây dựng Đảng của Đảng bộ tỉnh Nam Hà trong những năm (1992-1995) vẫn còn bộc lộ những hạn chế, yếu kém: Sự lãnh đạo của một số cấp uỷ

Đảng chưa ngang tầm với sự nghiệp đổi mới, còn thiếu chủ động, nhạy bén trong việc nắm bắt và giải quyết những vấn đề tư tưởng phát sinh, khi có vụ việc phức tạp xảy ra giải quyết còn lúng túng. Chất lượng công tác giáo dục chính trị, tư tưởng chưa cao. Một số tổ chức Đảng còn xem nhẹ công tác tuyên truyền, giáo dục chính trị, tư tưởng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân.

Chưa chú trọng đổi mới phương thức lãnh đạo của Đảng đối với hoạt động của chính quyền, có mặt chồng chéo, có mặt buông lỏng. Vai trò lãnh đạo của tổ chức Đảng trong nhiều doanh nghiệp Nhà nước chưa được coi trọng, chất lượng, hiệu quả hạn chế. Một số cấp uỷ xây dựng được quy chế, nhưng việc thực hiện quy chế chưa tốt. Một số chi, đảng bộ cơ quan hành chính sự nghiệp chưa quan tâm đúng mức đến công tác Đảng.

Công tác tổ chức, cán bộ còn một số trường hợp bị động, một số nơi bị hẫng hụt, bố trí và sử dụng cán bộ có chỗ chưa hợp lý. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ chưa được quan tâm đúng mức. Năng lực, phẩm chất của một bộ phận cán bộ chưa tương xứng với yêu cầu nhiệm vụ. Năng lực quản lý, điều hành của đội ngũ cán bộ chủ chốt ở cơ sở, nhất là các đảng bộ xã, phường, thị trấn còn hạn chế. Bộ máy, biên chế của các cơ quan, đoàn thể trong hệ thống chính trị còn công kênh, chức năng, nhiệm vụ của từng tổ chức chưa thật đầy đủ, rõ ràng, hiệu quả hoạt động thấp. Một số cán bộ, đảng viên, trong đó có các cán bộ lãnh đạo chủ chốt các cấp còn mang nặng tư tưởng cá nhân, chưa gương mẫu rèn luyện bản thân, chạy

theo lối sống thực dụng, tham vọng quyền lực, danh lợi, cục bộ làm suy giảm niềm tin của nhân dân đối với Đảng.

Trong công tác kiểm tra của Đảng còn biểu hiện né tránh, ngại va chạm, sợ mất thành tích, nể nang, xuề xòa, có việc giải quyết còn kéo dài.

Cùng với tập trung lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội và củng cố quốc phòng, an ninh, Đảng bộ tỉnh thường xuyên quan tâm chỉ đạo xây dựng, củng cố hệ thống chính quyền từ tỉnh đến cơ sở.

Thi hành Quyết định của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tổ chức bầu cử đại biểu hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ (1994-1999), Ban Thường vụ Tỉnh ủy đã quan tâm lãnh đạo công tác chuẩn bị về cơ cấu, thành phần, số lượng đại biểu, đảm bảo cho cuộc bầu cử dân chủ, có sự thống nhất cao.

Mặc dù trước ngày bầu cử, liên tiếp 3 trận bão, mưa to kéo dài, úng lụt nghiêm trọng, gây thiệt hại lớn, nhưng ngày 20-11-1994 cùng với cả nước 99,44% cử tri trong tỉnh đã hăng hái đi bầu cử, thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân tham gia xây dựng chính quyền các cấp ở địa phương. Cuộc bầu cử thành công tốt đẹp, lựa chọn đủ 85 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh; 435 đại biểu Hội đồng nhân dân huyện, thành, thị xã; bầu được 7.415 đại biểu Hội đồng nhân dân xã, phường, thị trấn, thiếu 71 đại biểu. Tại kỳ họp thứ nhất Hội đồng nhân dân tỉnh Nam Hà khoá IX đã bầu đồng chí Bùi Xuân Sơn, Ủy viên Trung ương Đảng, Bí thư Tỉnh ủy giữ chức Chủ tịch Hội đồng nhân

dân tỉnh; bầu đồng chí Trần Quang Ngọc, Phó Bí thư Tỉnh uỷ giữ chức Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh.

Hội đồng nhân dân các cấp đã từng bước đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, quyết định kịp thời những vấn đề quan trọng về kinh tế, xã hội của địa phương. Nghị quyết của hội đồng nhân dân thể hiện quan điểm đổi mới của Đảng, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương, tạo sự đồng thuận trong nhân dân. Chức năng kiểm tra, giám sát được tăng cường, kiến nghị nhiều vấn đề bức xúc mà nhân dân quan tâm để các cơ quan chức năng giải quyết.

Sau bầu cử hội đồng nhân dân các cấp, uỷ ban nhân dân các cấp từ tỉnh đến xã nhanh chóng được kiện toàn và hoạt động theo luật định. Uỷ ban nhân dân các cấp có nhiều đổi mới trong công tác quản lý Nhà nước, điều hành sự phát triển kinh tế - xã hội bằng các chương trình, kế hoạch trên cơ sở cụ thể hoá các chủ trương, chính sách, pháp luật của Nhà nước. Đồng thời tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra, xử lý vi phạm. Tích cực chủ động đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ công chức, viên chức và giải quyết đơn thư khiếu nại, tố cáo của công dân. Mối quan hệ giữa Hội đồng nhân dân và Uỷ ban nhân dân, Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh và Mặt trận Tổ quốc tỉnh; các cơ quan và đoàn thể nhân dân trong tỉnh được tăng cường, tạo niềm tin trong nhân dân.

Tuy nhiên, công tác quản lý Nhà nước của chính quyền các cấp chưa ngang tầm với đòi hỏi của thời kỳ mới. Đạt

đai, vốn, tài sản của Nhà nước chưa được khai thác tốt và quản lý chặt chẽ, còn để xảy ra vi phạm, thất thoát ở một số địa phương, đơn vị. Tổ chức bộ máy chính quyền chậm được đổi mới, sự phối hợp giữa các cấp, các ngành trong tỉnh còn thiếu đồng bộ, kết quả công tác còn hạn chế. Một bộ phận cán bộ công chức trong bộ máy chính quyền yếu về năng lực, kém về phẩm chất, đạo đức, quan liêu sách nhiễu, phiền hà với dân.

Trong 2 ngày 05 và 06-12-1994, đồng chí Lê Đức Anh, Ủy viên Bộ Chính trị, Chủ tịch nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam đến thăm, làm việc với Đảng bộ, chính quyền và nhân dân tỉnh Nam Hà.

Chủ tịch nước đã đến thăm, nói chuyện thân mật với Đảng bộ, nhân dân và Hội Cựu chiến binh thị xã Hà Nam; thăm công trình xây dựng nhà máy xi măng Kiện Khê và Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh.

Làm việc với tập thể lãnh đạo tỉnh, Chủ tịch nước nhấn mạnh: Nam Hà cần phải phát huy thế mạnh kinh tế của 3 vùng trong tỉnh. Việc đạt được tổng sản lượng lương thực trên 1 triệu tấn/năm đã khẳng định tiềm năng phát triển nông nghiệp của tỉnh. Chủ trương phát triển công nghiệp trên cơ sở một nền nông nghiệp phát triển vững chắc là đúng hướng, vì vấn đề lương thực vẫn là vấn đề lớn, rất quan trọng cho cả trước mắt và lâu dài.

Quán triệt Nghị quyết Trung ương 8B của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VI), các quan điểm đổi mới về công tác vận động quần chúng của Đảng được quán

triệt sâu rộng trong cán bộ, đảng viên. Phương thức lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng về công tác dân vận có bước đổi mới theo tư tưởng “lấy dân làm gốc”. Qua đó, công tác vận động quần chúng, mối quan hệ giữa Đảng với dân của Đảng bộ có chuyển biến tích cực.

Mặt trận Tổ quốc dưới sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng đã chủ động đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, thu hút ngày càng đông các tổ chức thành viên, các cá nhân, các thành phần kinh tế tham gia. Đại hội Đại biểu Mặt trận Tổ quốc tỉnh lần thứ II, ngày 25-3-1994 khẳng định: Trong 5 năm (1989-1994), Mặt trận Tổ quốc các cấp tích cực tuyên truyền, giáo dục đường lối đổi mới của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước với nhiều hình thức đa dạng, phong phú. Tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân. Tuyên truyền, vận động, hiệp thương bầu cử đại biểu Quốc hội khoá IX, bầu đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ (1994-1999) diễn ra dân chủ, đúng luật và đạt kết quả cao.

Tích cực vận động nhân dân thi đua lao động sản xuất, xây dựng quê hương, đất nước, như phong trào làm V.A.C, xây dựng gia đình văn hoá, làng văn hoá, phong trào “đền ơn đáp nghĩa” đối với thương binh, các gia đình liệt sĩ, Bà mẹ Việt Nam anh hùng; phong trào chăm sóc người già cô đơn, tàn tật, trẻ em không nơi nương tựa...; phong trào ủng hộ nhân dân Cu Ba anh em.

Cuộc vận động tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa cho thương binh, gia đình liệt sĩ do đoàn Chủ tịch Uỷ ban Trung ương



Mặt trận Tổ quốc Việt Nam phát động nhân kỷ niệm 45 năm ngày Thương binh - Liệt sỹ (27/7/1947 - 27/7/1992) được nhân dân trong tỉnh nhiệt tình hưởng ứng nên đã huy động được 1,5 tỷ đồng, tặng 5.800 sổ tiết kiệm; vận động nhân dân đóng góp 1,2 tỷ đồng, xây dựng 410 ngôi nhà tình nghĩa. Trong 2 năm (1993 - 1994), nhân dân Nam Hà ủng hộ nhân dân Cu-ba 2.278 triệu đồng.

Mặt trận Tổ quốc tích cực phối hợp với các tổ chức đoàn thể, các ngành chức năng tuyên truyền, giáo dục cho nhân dân hiểu rõ âm mưu “diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch, đề cao tinh thần cảnh giác cách mạng, góp phần hoàn thành nhiệm vụ quốc phòng, an ninh trong tình hình mới. Vận động nhân dân hiểu rõ luật pháp, giải quyết các mâu thuẫn, tranh chấp trong nội bộ nhân dân ở một số địa phương. Phát động quần chúng tham gia tấn công, trấn áp tội phạm hình sự, giải quyết các tụ điểm phức tạp về trật tự ở địa phương theo tinh thần Chỉ thị số 135/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng. Phối hợp với các cấp chính quyền tiến hành nhiều biện pháp tổ chức động viên quần chúng tham gia thanh tra, kiểm tra, phát hiện, uốn nắn những sơ hở trong quản lý kinh tế; đề nghị xử lý kịp thời, nghiêm minh những phần tử tham ô, cố ý làm trái chính sách, pháp luật chiếm dụng tiền, tài sản của Nhà nước và nhân dân.

Liên đoàn lao động từ tỉnh đến cơ sở đã đổi mới nội dung và phương thức hoạt động phù hợp với đường lối đổi mới của Đảng, đúng với tôn chỉ mục đích của mình. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đại biểu Công đoàn tỉnh lần thứ VII, ngày 18-5-1993, Tổ chức công đoàn các cấp tham gia

tích cực vào các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, với các phong trào “Lao động giỏi”. Nội dung của phong trào thi đua là lao động giỏi, tiết kiệm nhiều, đạt hiệu quả cao đã thu hút đông đảo công nhân lao động tham gia. Qua phong trào xuất hiện nhiều sản phẩm có giá trị kinh tế cao, nhiều mặt hàng mới có chất lượng, nhiều sáng kiến có hiệu quả thiết thực. Năm 1995, toàn tỉnh có 17 đề tài sáng tạo đề nghị Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng bằng lao động sáng tạo. Phong trào “giỏi việc nước, đảm việc nhà” trong nữ công nhân tiếp tục phát triển và đạt kết quả tốt. Tổng kết 5 năm (1991-1995), có 45% chị đạt danh hiệu “giỏi việc nước, đảm việc nhà” cấp cơ sở, 42% cấp tỉnh và 11% cấp Trung ương. Liên đoàn Lao động tỉnh Nam Hà được Đoàn Chủ tịch Tổng Liên đoàn Lao động Việt Nam tặng cờ thi đua xuất sắc.

Công đoàn làm tốt chức năng tham mưu cho cấp uỷ Đảng và bàn bạc dân chủ với chính quyền nhằm tìm giải pháp tạo việc làm cho người lao động, từng bước ổn định và cải thiện đời sống công nhân, viên chức trong quá trình thực hiện Nghị định số 388/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng. Kinh tế tư nhân phát triển trong đoàn viên công đoàn. Để tập hợp lực lượng công nhân lao động vào tổ chức, ngày 27-4-1994, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 15-CT/TU về việc *Củng cố phát triển tổ chức Công đoàn trong các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh*. Thực hiện chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, đến hết năm 1995, toàn tỉnh có 38 công đoàn cơ sở, trong các doanh nghiệp tư nhân và các công ty trách nhiệm hữu hạn được thành lập, có 1.982

đoàn viên công đoàn. Tổ chức công đoàn ở các thành phần kinh tế ngoài quốc doanh được thành lập đã làm cho tư tưởng của người lao động trong các thành phần kinh tế cơ bản ổn định, niềm tin đối với sự lãnh đạo của Đảng và sự nghiệp cách mạng xã hội chủ nghĩa ngày càng nâng cao, tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền; đẩy mạnh các hoạt động văn hoá văn nghệ, thể dục thể thao; các hoạt động xã hội, giải quyết việc làm, chăm lo cải thiện đời sống công nhân, người lao động ngày càng tốt hơn.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII), Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 03-NQ/TU về *Công tác thanh niên*. Nghị quyết nhấn mạnh: Tập hợp, giáo dục vai trò xung kích của thanh niên trong sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; tạo việc làm, hướng thanh niên vào các hoạt động kinh tế - xã hội, vui chơi lành mạnh; xây dựng tổ chức đoàn vững mạnh. Quán triệt Nghị quyết 03 của Tỉnh uỷ, công tác đoàn và phong trào thanh niên từ tỉnh đến cơ sở có bước chuyển biến quan trọng.

Các cấp bộ Đoàn thường xuyên chú trọng giáo dục chính trị, tư tưởng cho đoàn viên, thanh niên bằng nhiều hình thức phong phú: nói chuyện chuyên đề, hội thảo, diễn đàn thanh niên, thăm quan những di tích lịch sử, cách mạng và tham gia các cuộc thi tìm hiểu truyền thống lịch sử cách mạng. Cuộc thi: “về với Điện Biên”, đặc biệt là cuộc thi tìm hiểu về “Đảng Cộng sản Việt Nam” đã thu hút đông đảo đoàn viên, thanh niên tham gia.

Triển khai và thực hiện có hiệu quả hai phong trào “Thanh niên lập nghiệp” và “Tuổi trẻ giữ nước”, thanh niên nông thôn tích cực tham gia chuyển giao khoa học, áp dụng kỹ thuật tiên tiến vào sản xuất để tăng năng suất lao động. Toàn tỉnh có 46 chi hội khuyến nông trẻ và 14 điểm trình diễn khoa học - kỹ thuật. Trong 2 năm (1994-1995), Đoàn Thanh niên đã đảm nhận 41 công trình thanh niên cấp huyện; 8.382 công trình cấp xã và chi đoàn. Toàn tỉnh xây dựng 67 dự án nhỏ với 1,8 tỷ đồng vốn vay, tạo thêm nhiều việc làm cho thanh niên. Xuất hiện nhiều thanh niên làm kinh tế giỏi, với thu nhập hàng chục triệu đồng/năm.

Thanh niên công nhân tiếp tục đẩy mạnh phong trào C.K.T (chất lượng - kiểu dáng - tiết kiệm); thi đua học một nghề, biết nhiều nghề; giỏi một nghề, biết nhiều nghề; học ngoại ngữ, tin học, nâng cao trình độ nghiệp vụ. Thanh niên trong trường học đẩy mạnh phong trào “học tập rèn luyện vì ngày mai lập nghiệp”.

Phong trào “Tuổi trẻ giữ nước” có nhiều hoạt động tích cực. Hàng năm các tổ chức Đoàn tổ chức tuyên truyền về truyền thống Quân đội nhân dân Việt Nam, về Luật Nghĩa vụ quân sự cho thanh niên, động viên, tiễn đưa thanh niên lên đường nhập ngũ, chống đào, bỏ ngũ. Tích cực tham gia xây dựng quỹ “đền ơn đáp nghĩa”, giúp đỡ gia đình liệt sĩ, chăm sóc các “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”... Tổ chức Đoàn đã tặng 225 sổ tiết kiệm tình nghĩa và hơn 200 áo lụa tặng “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”. Phong trào văn hoá - văn nghệ, thể dục - thể thao được tổ chức nhân kỷ

niệm ngày thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3-2, ngày Quốc khánh 2-9, ngày thành lập Đoàn 26-3, trở thành những cuộc sinh hoạt chính trị rộng lớn, tạo thành phong trào thi đua sôi nổi, rộng khắp của tuổi trẻ trong tỉnh nhằm xây dựng và bảo vệ quê hương, đất nước.

Đồng thời đẩy mạnh phong trào nâng cao chất lượng đoàn viên, xây dựng chi đoàn vững mạnh; tích cực tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền. Ba năm (1992-1994), đã có 1.885 đoàn viên ưu tú được kết nạp vào Đảng Cộng sản Việt Nam. Từ năm 1991 đến năm 1995, Đoàn thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh liên tục được Trung ương Đoàn tặng cờ đơn vị xuất sắc toàn quốc. Tuy nhiên, hoạt động của Đoàn còn mang tính mùa vụ, tỷ lệ thu hút thanh niên vào tổ chức Đoàn còn hạn chế; một bộ phận thanh niên có lối sống buông thả, thực dụng, một số thanh niên mắc các tệ nạn xã hội...

Đại hội đại biểu phụ nữ tỉnh Nam Hà nhiệm kỳ (1992-1997) xác định mục tiêu là: “Đoàn kết rộng rãi các tầng lớp phụ nữ trong tỉnh, phát huy mọi tiềm năng, sức sáng tạo, phấn đấu vì sự bình đẳng, phát triển phụ nữ”. Thực hiện Nghị quyết số 04-NQ/TW, ngày 12-7-1993 của Bộ Chính trị về *Đổi mới và tăng cường công tác vận động phụ nữ trong tình hình mới*, Chỉ thị số 37-CT/TW, ngày 16-5-1994 của Ban Bí thư Trung ương Đảng *Về một số vấn đề công tác cán bộ nữ trong tình hình mới*, Hội Phụ nữ các cấp tiếp tục đẩy mạnh 5 chương trình do Trung ương Hội Liên hiệp Phụ nữ Việt Nam đề ra, chủ động phối hợp với Trung tâm khuyến nông thường xuyên mở các lớp

tập huấn chuyển giao tiến bộ kỹ thuật cho hàng vạn lượt hội viên. Cuộc vận động “Phụ nữ giúp nhau làm kinh tế gia đình” ngày càng thu hút đông đảo hội viên phụ nữ tham gia. Đến năm 1994, toàn tỉnh có 73.569 hội viên giúp cho 86.444 hội viên khó khăn thiếu vốn sản xuất, vay với tổng số tiền là 1.664.386.000 đồng, 2.519 tấn thóc, trên 9 tấn gạo, 37.874 con lợn giống, 553 chỉ vàng, trên 200 tấn phân đạm, lân và 47.000 ngày công lao động. Qua đó nhiều hội viên đã thoát nghèo, một số đã trở nên khá giả. Đồng thời vận động hội viên tích cực chăm sóc sức khoẻ phụ nữ, trẻ em, thực hiện sinh đẻ có kế hoạch, nuôi dạy con tốt, xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, tiến bộ, hạnh phúc.

Vận động phụ nữ tham gia xây dựng Đảng, xây dựng chính quyền, xây dựng tổ chức hội. Nhiều hội viên phụ nữ tiêu biểu được kết nạp Đảng. Một số hội viên được Đảng, nhân dân tín nhiệm cử giữ các cương vị chủ chốt trong tổ chức Đảng, chính quyền và các tổ chức xã hội khác. Tham gia thực hiện tốt công tác hậu phương quân đội, luôn đi đầu trong phong trào “đền ơn đáp nghĩa”; tích cực vận động hội viên giúp đỡ các gia đình đối tượng chính sách về ngày công, xây nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm tình nghĩa, nhận đỡ đầu bố mẹ liệt sĩ, “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”.

Đại hội đại biểu nông dân tỉnh lần thứ V (11-1992) đề ra mục tiêu tổng quát đến năm 1996: “Xây dựng tổ chức Hội vững mạnh, động viên nông dân đẩy mạnh sản xuất, làm giàu, đoàn kết, dân chủ, xoá đói giảm nghèo, xây dựng

nông thôn mới”. Thực hiện sự chỉ đạo của Tỉnh uỷ và hướng dẫn của Trung ương Hội Nông dân Việt Nam, hoạt động của Hội Nông dân các cấp trong tỉnh có nhiều tiến bộ. Các cấp Hội chủ động vận động nông dân đổi mới cơ cấu kinh tế, cơ cấu mùa vụ, cây trồng, vật nuôi nhằm mục tiêu nâng cao năng suất và sản lượng kinh tế nông nghiệp, góp phần tích cực vào việc xây dựng, phát triển kinh tế - xã hội, nâng cao đời sống của nhân dân.

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ năm Ban Chấp hành Trung ương (khoá VII), Hội tiếp tục đẩy mạnh phong trào thi đua “Sản xuất kinh doanh giỏi, giúp nhau xoá đói, giảm nghèo, xây dựng nông thôn mới”. Hội phối hợp với ngành nông nghiệp, lâm nghiệp, thuỷ sản và trung tâm khuyến nông, tập huấn cho nông dân về khoa học, kỹ thuật như gieo mạ theo công nghệ Nhật Bản, dùng chế phẩm phân bón qua lá... Phối hợp với Hội Làm vườn đẩy mạnh phong trào cải tạo vườn tạp, phát triển kinh tế theo mô hình VAC. Phối hợp với Ngân hàng Nông nghiệp tỉnh tìm nguồn vốn, xây dựng dự án, giúp nông dân vay vốn phát triển sản xuất, xoá đói, giảm nghèo. Năm 1995, Hội đã giúp 10.045 hộ vay 6,7 tỷ đồng và 2,9 tỷ đồng từ quỹ quốc gia giải quyết việc làm cho 5.681 hộ vay. Qua đó, có 11% số hộ đạt từ 8-10 triệu và 7,8% số hộ đạt trên 10 triệu đồng/năm, xuất hiện nhiều mô hình sản xuất, kinh doanh mới. Nghề truyền thống được khôi phục ở các làng nghề truyền thống trong tỉnh. Phong trào làm đường giao thông nông thôn, phong trào quân chủng bảo vệ an ninh Tổ quốc, “đền ơn đáp nghĩa”... được nông dân tham gia tích cực, mang lại hiệu quả thiết thực.

Mặc dù mới được thành lập, nhưng các cấp Hội Cựu chiến binh trong tỉnh tích cực xây dựng, phát triển tổ chức hội, tập hợp phần lớn cán bộ, quân nhân phục viên, hưu trí tham gia vào Hội. Đến năm 1995, toàn tỉnh có 339 cơ sở hội ở xã, phường, thị trấn, một số hội ở trường học, cơ quan, xí nghiệp. Tổng số có trên 6 vạn hội viên, trong đó trên 60% là đảng viên. Nhiều hội viên được bầu vào Hội đồng nhân dân các cấp. Cán bộ chủ chốt ở cơ sở từ 70-80% là hội viên Hội Cựu chiến binh. Hoạt động của Hội nhanh chóng thể hiện bản chất tốt đẹp về truyền thống cách mạng, truyền thống “Bộ đội Cụ Hồ”. Các hội viên gương mẫu tham gia các phong trào cách mạng ở địa phương, tham gia xây dựng Đảng, chính quyền,... vai trò của tổ chức Hội từng bước nâng cao, luôn giữ và phát huy bản chất tốt đẹp của người quân nhân cách mạng trên mặt trận mới, là chỗ dựa tin cậy của Đảng.

Tuy nhiên, hoạt động của mặt trận và các đoàn thể chưa hướng mạnh về cơ sở, chưa làm tốt công tác giáo dục chính trị, tư tưởng, chính sách, pháp luật cho đoàn viên, hội viên; còn lúng túng, thiếu chủ động trong việc tham gia xử lý các tụ điểm phức tạp. Công tác chỉ đạo của cấp trên còn biểu hiện hành chính, quan liêu; năng lực, phong cách, lề lối làm việc của một bộ phận cán bộ mặt trận và đoàn thể chưa đáp ứng yêu cầu.

Thực hiện Chỉ thị số 51-CT/TW, ngày 09-3-1995 của Ban Bí thư Trung ương Đảng về Đại hội Đảng bộ các cấp, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Nam Hà lần thứ IX tiến hành từ ngày 07 đến ngày 09-5-1996. Dự Đại hội có 349



đại biểu chính thức đại diện cho hàng nghìn đảng viên trong toàn Đảng bộ.

Đại hội thảo luận, thông qua báo cáo của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII; kiểm điểm của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa VIII và báo cáo tổng hợp ý kiến tham gia vào các dự thảo văn kiện trình Đại hội VIII của Đảng.

Đại hội bầu 49 đồng chí vào Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khoá IX, trong đó có 11 đồng chí ủy viên Ban Chấp hành mới tham gia lần đầu, chiếm 22,4%; có 4 đồng chí ủy viên Ban Chấp hành là nữ.

Đại hội đã bầu đoàn đại biểu gồm 28 đồng chí đi dự Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ VIII của Đảng, đảm bảo cơ cấu và có khả năng tham gia đóng góp ý kiến với Đại hội.

Chiều ngày 09-5-1996, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh khóa IX, họp phiên thứ nhất bầu Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 13 đồng chí. Đồng chí Trần Minh Ngọc được bầu giữ chức Bí thư Tỉnh uỷ; đồng chí Trần Quang Ngọc, Phó Bí thư, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh; đồng chí Lê Văn Yên, Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ.

## II. LÃNH ĐẠO CHUYÊN DỊCH CƠ CẤU KINH TẾ, ĐẨY MẠNH PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI

Bước vào thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII, đất nước ta vẫn còn nhiều khó khăn: Các thế lực thù địch quốc tế tăng cường câu kết với bọn phản động

trong nước ra sức tuyên truyền quan điểm đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập, xuyên tạc đường lối đổi mới của Đảng; chia rẽ nội bộ Đảng và nhân dân, âm mưu lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Nguồn vay từ bên ngoài giảm mạnh, nợ nước ngoài phải trả hàng năm tăng lên. Đất nước chưa ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội. Một bộ phận không nhỏ cán bộ, đảng viên dao động, thiếu niềm tin vào con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam, cùng nhiều khó khăn do cơ chế cũ để lại và những phức tạp phát sinh trong quá trình đổi mới.

Trước những khó khăn chung của cả nước, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh cũng có những thuận lợi cơ bản. Đường lối đổi mới của Đảng đã và đang đi vào cuộc sống. Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII đã khẳng định và làm rõ thêm về thời kỳ quá độ đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam. Tiềm năng kinh tế của tỉnh phong phú, đa dạng. Đội ngũ cán bộ đã trưởng thành một bước cả về trình độ tư duy và năng lực quản lý.

Các cấp uỷ Đảng tập trung phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, tiếp tục thực hiện chương trình lương thực - thực phẩm của tỉnh. Do có sự chỉ đạo chủ động, sáng tạo của Tỉnh uỷ, sự nỗ lực của chính quyền và nhân dân, sản xuất nông nghiệp có bước phát triển mới, sản xuất lương thực và thực phẩm giành thắng lợi lớn; bộ mặt nông thôn ngày càng đổi mới. Tốc độ phát triển nông nghiệp bình quân tăng từ 4,7%/năm thời kỳ (1986-1990), lên 8%/năm thời kỳ (1991-1995). Tổng sản lượng lương

thực quy thóc bình quân đạt 1.063.200 tấn/năm, tăng 39,5% so với thời kỳ (1986-1990).

Năm 1992, tổng diện tích gieo trồng toàn tỉnh đạt 228.961 ha, tăng 5.094 ha so với năm 1991. Mặc dù đầu vụ mùa gặp mưa bão làm ngập úng 1.500 ha, nhưng nhờ tiêu úng kịp thời và có mạ dự phòng nên diện tích lúa mùa vẫn tăng 1.701 ha. Năng suất lúa đạt 82,49 tạ/ha, tăng 18,41 tạ/ha/năm so với năm 1991, là năm đạt cao nhất so với trước đó. Toàn tỉnh có 88 hợp tác xã nông nghiệp đạt năng suất trên 10 tấn/ha/năm. Sản lượng màu quy thóc đạt 84.828 tấn, tăng 32,6% so với năm 1991, trong đó sản lượng ngô tăng 58,4%, khoai lang tăng 39,5%. Bình quân lương thực đầu người đạt 406 kg/năm, tăng 90 kg so với năm 1991. Chăn nuôi phát triển khá. Đàn bò tăng 3%, đàn gia cầm tăng 31,1%; đàn lợn tăng 4,4%, sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng tăng 9,3% so với năm 1991.

Sau 3 năm thực hiện Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị về *Đổi mới quản lý kinh tế nông nghiệp*, phong trào hợp tác hoá có bước chuyển biến mới. Song cũng nảy sinh những vấn đề mới, có nhiều yếu tố cản trở quá trình chuyển sang sản xuất hàng hoá, chưa thích ứng với nền kinh tế thị trường, chưa tạo đủ điều kiện cho kinh tế, xã hội phát triển và thực hiện quyền tự chủ trong sản xuất kinh doanh. Nhằm đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã nông nghiệp, đầu năm 1992, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đề ra chủ trương cho phép thí điểm đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã nông nghiệp ở 4 hợp tác xã, ở 4 vùng, miền trong tỉnh. Trong đó, khu vực Hà Nam, chọn hợp tác xã Khả Phong,

huyện Kim Bảng. Thực hiện chủ trương của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 682/QĐ-UB triển khai thí điểm đổi mới quản lý hợp tác xã nông nghiệp, với 5 nội dung lớn: Đổi mới về giao ruộng đất cho hộ sản xuất nông nghiệp. Đổi mới phương thức tổ chức hoạt động của các tổ chức dịch vụ. Đổi mới phương thức quản lý và sử dụng quỹ vốn. Đổi mới chức năng, nhiệm vụ và phương thức hoạt động. Đổi mới sự lãnh đạo của Đảng, chức năng quản lý của chính quyền và phương thức hoạt động của các đoàn thể quần chúng.

Trên cơ sở hoàn thành thí điểm ở 4 hợp tác xã, ngày 15-02-1992, Uỷ ban nhân dân tỉnh ra Quyết định số 115/QĐ-UB về việc ban hành quy định những nội dung đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã nông nghiệp trong tỉnh. Trong đó xác định:

Hợp tác xã nông nghiệp là tổ chức kinh tế tập thể ở nông thôn, hộ nông dân là đơn vị kinh tế tự chủ được Nhà nước cấp giấy chứng nhận, giao quyền sử dụng ruộng đất dài hạn thông qua hợp tác xã nông nghiệp. Quan hệ kinh tế giữa hợp tác xã nông nghiệp và hộ xã viên là quan hệ hợp tác, hợp đồng, bình đẳng.

Đối tượng giao đất ổn định, dài hạn gồm: nhân khẩu nông nghiệp, bộ đội tại ngũ chưa hết thời gian nghĩa vụ, nhân khẩu thôi việc về sản xuất tại địa phương theo Quyết định số 176, 111 và 315/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, nhân khẩu mất sức ngắn hạn chỉ còn hưởng chế độ trong



*Đồng chí Trần Minh Ngọc, Bí thư Tỉnh uỷ, phát biểu bế mạc Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Nam Hà lần thứ IX, từ ngày 7 - 9/5/1996*

một vài năm, con của cán bộ công nhân đã về hưu sinh sống ở nông thôn...

Thời gian giao đất canh tác ổn định cho khẩu nông nghiệp đến năm 2000, được quyền thừa kế trong hộ, chuyển đổi, cho thuê và chuyển quyền sử dụng trong thời gian được giao theo quy định của pháp luật.

Đất dự trữ cho mượn không quá 5 năm, đất hoang hoá, hồ đầm, thung đào, thung đấu, đất trồng cây lâu năm, đất đồi rừng... tùy theo tính chất, đặc điểm, quy mô đầu tư xây dựng và chu kỳ sản xuất, kinh doanh của từng loại cây trồng, con nuôi mà giao quyền sử dụng ruộng đất hoặc cho đấu thầu, cho thuê với thời gian dài hơn so với đất canh tác, hướng chung là từ 15-20 năm, đất trồng rừng có thể đến 30 năm, đất thổ cư, ao vườn trong khu dân cư giao lâu dài.

Diện tích giao dựa trên hiện trạng mặt bằng đang sử dụng ở từng hợp tác xã. Phương thức giao đất theo bình quân nhân khẩu. Đất dự trữ và cho mượn dành từ 15-20% diện tích đất canh tác.

Thực hiện các văn bản chỉ đạo của tỉnh, các huyện, thị xã đã khẩn trương tổ chức thực hiện Quyết định số 115/QĐ-UB. Rút kinh nghiệm thí điểm tại hợp tác xã Khả Phong, các địa phương tập trung vào điều chỉnh đất đai, giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ xã viên; đổi mới nội dung, phương thức hoạt động của các ban quản lý hợp tác xã. Năm 1993, toàn tỉnh đã có 95% hợp tác xã giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ xã viên. Các

hợp tác xã sau khi sắp xếp lại, bộ máy ban quản lý đã được bố trí gọn nhẹ, tổ chức dịch vụ được nhiều khâu bước đầu có hiệu quả. Vốn, quỹ, tài sản hợp tác xã được kiểm kê xác định lại, thực hiện khoán sử dụng vốn và cơ sở vật chất. Nam Hà triển khai giao ruộng cho nông dân sớm trong toàn quốc. Bộ Nông nghiệp và Tổng cục Địa chính đã về khảo sát tại Nam Hà, qua đó trình Quốc hội sửa đổi Luật Đất đai (năm 1993).

Cùng với đổi mới quản lý hợp tác xã, Tỉnh uỷ chỉ đạo các địa phương tích cực làm thuỷ lợi; chuyển đổi cơ cấu cây trồng, vật nuôi, tạo điều kiện cho hộ nông dân vay vốn phát triển sản xuất. Năm 1993, mặt trận nông nghiệp đạt kết quả toàn diện. Sản xuất lương thực tăng cả về diện tích, năng suất và sản lượng. Năng suất lúa đạt 10,013 tạ/ha/năm, tăng 17,613 tạ/ha so với năm 1992, một số hợp tác xã đạt 14 tấn/ha. Sản lượng lương thực quy thóc đạt 1.248.249 tấn/năm, đưa bình quân lương thực đầu người từ 406 kg năm 1992 lên 481 kg năm 1993. Chăn nuôi tiếp tục phát triển. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 44.600 tấn, tăng 15,2% so với năm 1992.

Để nông nghiệp, nông thôn nước ta phát triển toàn diện, tháng 6-1993, Hội nghị lần thứ 5 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII), ra Nghị quyết về *Tiếp tục đổi mới và phát triển kinh tế - xã hội nông thôn*. Quan điểm của Đảng là đặt sự phát triển nông nghiệp và kinh tế nông thôn theo hướng sản xuất hàng hoá trong quá trình công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, coi đó là nhiệm vụ chiến lược có tầm quan trọng hàng đầu. Đồng thời Nghị quyết của

Trung ương nêu rõ nội dung, phương hướng đổi mới cơ cấu kinh tế nông nghiệp, cải tiến cơ cấu kinh tế nông thôn; kiên trì và nhất quán thực hiện chính sách phát triển kinh tế nhiều thành phần vận động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước; thực hiện chính sách giao quyền sử dụng ruộng đất lâu dài cho hộ nông dân, nêu rõ 5 quyền: chuyển đổi, chuyển nhượng, thừa kế, cho thuê và thế chấp.

Để đưa Nghị quyết Trung ương 5 (khóa VII) vào cuộc sống trong điều kiện cụ thể của địa phương, Tỉnh uỷ đã chỉ đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh xây dựng 8 đề án thực hiện. Vào đầu tháng 8-1993, Tỉnh uỷ tổ chức Hội nghị cán bộ chủ chốt học tập Nghị quyết và thảo luận các đề án thực hiện. Sau đó, chỉ đạo các cơ sở quán triệt nắm vững các quan điểm của Đảng, xây dựng chương trình hành động cụ thể.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 và các đề án của tỉnh, các địa phương tập trung phát triển sản xuất lương thực và mở rộng gieo trồng những cây có hiệu quả kinh tế cao, có thị trường tiêu thụ. Đưa nhanh tiến bộ khoa học, kỹ thuật vào sản xuất, thực hiện chương trình cấp I hoá giống lúa, giống ngô ở các vùng trọng điểm lương thực. Thay đổi cơ cấu mùa vụ, bố trí cơ cấu cây trồng hợp lý, phá thế độc canh cây lúa. Đẩy mạnh công tác khuyến nông và công tác thuỷ lợi. Khẩn trương thực hiện giao đất, giao rừng cho nông dân. Từng bước công nghiệp hoá, hiện đại hoá nông nghiệp, nông thôn. Chuyển dịch



cơ cấu kinh tế nông thôn theo hướng phát triển công nghiệp - dịch vụ, mở rộng ngành nghề, thực hiện xoá đói, giảm nghèo.

Nhờ thực hiện tốt Nghị quyết Trung ương 5 và các đề án của tỉnh, vụ chiêm xuân năm 1994, năng suất lúa đạt 54,67 tạ/ha. Vụ mùa do ảnh hưởng liên tiếp 3 cơn bão số 6, 7, 8 gây hậu quả nghiêm trọng cho sản xuất nông nghiệp. Trong tỉnh mất trắng 34.392 ha lúa mùa, chiếm 29,1% diện tích gieo cấy; nhiều hợp tác xã và hộ nông dân bị mất trắng<sup>(1)</sup>.

Do bị ngập úng dài ngày, nên năng suất lúa vụ mùa chỉ đạt 23,6 tạ/ha, sản lượng thóc giảm 50,2% so với vụ mùa 1993. Nhưng sản lượng lương thực vụ chiêm xuân đạt cao, nên tổng sản lượng lương thực năm 1994 đạt 987.600 tấn, trong đó sản lượng thóc đạt 913.450 tấn, màu quy thóc đạt 74.134 tấn. Bình quân lương thực đầu người trong toàn tỉnh đạt 374 kg. Trong 5 năm (1991-1995), sản xuất lương thực của 6 huyện, thị xã ở khu vực Hà Nam đạt bình quân 43.372 tấn/năm. Trong đó, cao nhất là huyện Bình Lục đạt 85.300 tấn/năm, tăng 37,15% so với 5 năm (1986-1990), thấp nhất là thị xã Hà Nam đạt 2.165 tấn.

Diện tích cây công nghiệp tăng 10,2% so với năm 1993, tăng khá là diện tích đậu tương, mía và dâu tằm.

---

(1). Huyện Duy Tiên mất trắng 2.176 ha, chiếm 30%. Huyện Kim Bảng mất trắng 2.151 ha, chiếm 31%. Huyện Lý Nhân mất trắng 3.588 ha, chiếm 55%. Huyện Thanh Liêm mất trắng 4.575 ha, chiếm 65%. Huyện Bình Lục mất trắng 7.300 ha, chiếm 66%. Thị xã Hà Nam mất trắng 90 ha, chiếm 53%.

Chăn nuôi phát triển, từng bước nâng dần tỷ trọng trong cơ cấu sản xuất nông nghiệp. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 48,5 ngàn tấn, tăng 53% so với năm 1993.

Việc ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật trong chăn nuôi được đẩy mạnh, như thí điểm nuôi bò sữa, lợn lai tỷ lệ nạc cao, vịt đẻ nhiều trứng, vịt cho nhiều thịt.

Năm 1995, kết thúc kế hoạch 5 năm (1991-1995), tuy có nhiều khó khăn. Song, Đảng bộ, quân và dân Nam Hà tiếp tục giữ vững ổn định chính trị, tạo sự chuyển biến mới trên các mặt. Đây là năm có tốc độ tăng trưởng kinh tế của tỉnh đạt cao nhất trong 10 năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng và đồng đều trên các mặt; tạo ra 3 đỉnh cao mới là: sản lượng lương thực, giao thông đường bộ và giáo dục.

Để sản xuất nông nghiệp giành thắng lợi, ngày 28-2-1995, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 27-CT/TU *Về đảm bảo vụ lúa chiêm thắng lợi và giải quyết đời sống nhân dân*. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ yêu cầu bất luận hoàn cảnh nào cũng phải cấy hết diện tích, nhưng phải đảm bảo thời vụ và kỹ thuật canh tác. Đồng thời, đẩy mạnh trồng rau màu vụ xuân để chống đói giáp hạt, nhất là những vùng bị thất thu vụ lúa mùa năm 1994. Thực hiện tốt các biện pháp thâm canh tăng năng suất. Sớm phát hiện và chuẩn bị phòng trừ sâu bệnh. Tiếp tục làm thủy lợi, hoàn thành kế hoạch đắp và bồi trúc đê. Thường xuyên kiểm tra, phát hiện những đoạn đê xung yếu có biện pháp xử lý kịp thời, giữ vững đê trong mùa mưa lũ.

Nắm chắc số hộ, số khẩu có khó khăn về đời sống, vận dụng phương châm “lá lành đùm lá rách” với sự giúp đỡ của tập thể, từ cơ sở, kiên quyết không để xảy ra đứt bữa trong tháng giáp hạt. Thực hiện Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo các địa phương đảm bảo cấy hết diện tích trong khung thời vụ tốt nhất; tích cực áp dụng những tiến bộ kỹ thuật vào sản xuất; chủ động thay đổi cơ cấu giống, mùa vụ; đẩy mạnh sản xuất vụ đông. Thời tiết thuận lợi, “mưa thuận, gió hoà” góp phần đưa sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp của tỉnh tiếp tục phát triển, trong đó sản lượng lương thực đạt đỉnh cao mới. Năng suất lúa đạt 100,19 tạ/ha, tổng sản lượng lương thực quy thóc đạt 1.165.000 tấn, tăng 28% so với năm 1994, tăng 5% so với kế hoạch. Lương thực bình quân đầu người đạt 470 kg.

Chăn nuôi phát triển đa dạng, phong phú và đi vào chất lượng, hiệu quả. Tổng số đàn lợn của tỉnh có 71 vạn con, tăng 7,5%; sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng đạt 49.800 tấn, tăng 1.300 tấn so với năm 1994. Giá trị sản lượng chăn nuôi thời kỳ (1991-1994) tăng 34,9% so với thời kỳ (1986-1990); tỷ trọng chăn nuôi đạt từ 26-28% tổng giá trị sản lượng nông nghiệp.

Nuôi trồng và chế biến thủy, hải sản là một trong những hướng chuyển dịch cơ cấu trong nông nghiệp và có hiệu quả rõ rệt. Các hộ gia đình nhận đầu thầu, nhận khoán ao, hồ, đầm nuôi thả cá, tôm, đã chủ động đầu tư cải tạo lại ao, hồ, tổ chức sản xuất kinh doanh ổn định lâu dài. Diện tích nuôi cá đồng đạt 8.500/12.000 ha ao, hồ, đầm, sông cụt.

Sản xuất lâm nghiệp có nhiều đổi mới. Các địa phương đẩy mạnh thực hiện chính sách giao đất, giao rừng cho hộ xã viên, thực hiện phủ xanh đất trống, đồi trọc bằng các chương trình 327/CP và 773/CP của Chính phủ. Trong 2 năm 1993-1994 và 6 tháng đầu năm 1995, Nam Hà trồng được 1.616 ha rừng. Phong trào trồng cây phân tán được phục hồi và phát triển. Hai năm (1993-1994), toàn tỉnh trồng được 12 triệu cây các loại, đạt 120% kế hoạch. Chế độ khoán hợp lý, cùng với chính sách khuyến khích của Nhà nước, gắn trồng cây phân tán với cải tạo vườn tạp đã mang lại lợi ích thiết thực. Các tiểu vùng cây ăn quả, cây cảnh hàng hoá đang hình thành, mở rộng. Hàng năm, kinh tế lâm nghiệp đã cung cấp hàng trăm ngàn mét khối gỗ, củi, hàng vạn tấn quả.

Từng bước khắc phục tình trạng thuần nông, Tỉnh uỷ chỉ đạo khôi phục làng nghề truyền thống và mở thêm các ngành nghề mới, chuyển một bộ phận lao động nông nghiệp sang làm tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ, từng bước tạo ra sự phân công lại lao động, giải quyết việc làm cho lực lượng lao động nhàn rỗi<sup>(1)</sup>.

Với phương châm “Nhà nước và nhân dân cùng làm” phong trào làm đường giao thông nông thôn phát triển nhanh và rộng khắp trong toàn tỉnh. Trong 4 năm (1990-1993), cả tỉnh đã sử dụng 1.695.131 ngày công nghĩa vụ và huy động 2.542 ngày công đóng góp của nhân dân để mở rộng, cải tạo, nâng cấp và sửa chữa 3.431 km đường, trong đó có 239 km

---

(1). Đến tháng 11-1995, Nam Hà có 36 làng nghề truyền thống.

đường lát gạch nghiêng, 60 km đường bê tông, 44 km đường nhựa. Tổng kinh phí đầu tư vào làm đường giao thông nông thôn của tỉnh trị giá hàng chục tỷ đồng. Những huyện có phong trào khá là Kim Bảng, Bình Lục. Mở đầu phong trào là huyện Bình Lục. Đảng bộ huyện tập trung lãnh đạo huy động mọi nguồn lực xây dựng cơ sở hạ tầng nông thôn. Trong 5 năm (1991-1996), Bình Lục hoàn thành cơ bản nhựa hóa và bê tông hóa đường làng, ngõ xóm. Xây dựng xong hệ thống trạm xá và trường học. Từng bước kiên cố hóa kênh mương và hệ thống nước sạch (50% số hộ của huyện được sử dụng nước sạch). Huyện Bình Lục trong 2 năm (1992- 1993) được Bộ Giao thông - Vận tải tặng cờ thi đua và thưởng 80 tấn nhựa đường, trị giá 165 triệu đồng.

Mạng lưới giao thông toàn tỉnh được cải tạo, tạo điều kiện thuận lợi cho việc đi lại và vận chuyển hàng hoá trong nông thôn. Nhiều nơi đã đưa máy móc cơ khí vào sản xuất, nâng cao năng suất lao động. Đời sống của đa số nhân dân được cải thiện. Bộ mặt nông thôn đổi mới, nhiều vùng được đô thị hóa. Đến tháng 8-1995, toàn tỉnh có 82,84% số hộ có nhà kiên cố và bán kiên cố, 100% xã có điện, 90,65% số hộ dùng điện vào sản xuất và sinh hoạt, 71,8% số xã có chợ nông thôn. Hộ khá và giàu tăng từ 22,6% năm 1991, lên 33,1% năm 1994. Hộ nghèo giảm từ 18% năm 1991, xuống còn 14,2% năm 1994.

Qua 4 năm tiến hành đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã nông nghiệp theo Quyết định số 115/QĐ-UB và số 376/QĐ-UB của Ủy ban nhân dân tỉnh, đến tháng 8-1995 Nam Hà có tổng số 468 hợp tác xã nông nghiệp, trong đó có 29,1% hợp tác xã đạt loại khá, 47,3% hợp tác xã trung

bình và 23,6% hợp tác xã yếu kém. Đặc biệt là đến đầu năm 1994, toàn tỉnh đã hoàn thành việc giao quyền sử dụng ruộng đất ổn định lâu dài cho hộ nông dân, sớm chấm dứt tình trạng tranh chấp đất đai gay gắt ở một số địa phương.

Sau 4 năm tái lập tỉnh Nam Hà và 2 năm thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VII), cơ cấu kinh tế nông - lâm - ngư nghiệp có sự chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá và nâng cao hiệu quả kinh tế. Duy trì và đẩy mạnh phong trào thâm canh cây trồng, con nuôi, tạo tốc độ phát triển cao trong nông nghiệp, từng bước xoá dần thế độc canh cây lúa, thực hiện đa dạng hoá các sản phẩm trồng trọt, chăn nuôi.

Tuy nhiên, việc chuyển dịch cơ cấu kinh tế nông nghiệp, nông thôn còn chậm so với yêu cầu. Nội dung chuyển đổi, đổi mới hợp tác nông nghiệp sang hình thức mới còn lúng túng, hệ thống dịch vụ phục vụ nông nghiệp chưa đáp ứng được yêu cầu của nông dân theo cơ chế mới. Việc xử lý đất dự trữ và cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất còn chậm, chưa đáp ứng được mong đợi của nhân dân.

Cùng với phát triển nông nghiệp, Đảng bộ tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo đẩy mạnh phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp Nam Hà là ngành sản xuất vật chất quan trọng, thu hút lao động, giải quyết việc làm, sáng tạo ra nhiều loại sản phẩm phục vụ tiêu dùng và xuất khẩu. Để ngăn chặn tình trạng suy giảm<sup>(1)</sup> cùng với sắp xếp đổi mới quản lý doanh nghiệp

---

(1). Năm 1989 giảm 5,4%, năm 1990 giảm 6,3%, năm 1991 giảm 11,9%.

theo Nghị định số 388/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng, tỉnh đầu tư vốn, đổi mới thiết bị máy móc, mở rộng thị trường. Vì vậy năm 1992, sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp của tỉnh đã tăng trở lại. Giá trị tổng sản lượng đạt 165,9 tỷ đồng, tăng 2,4%, trong đó công nghiệp quốc doanh đạt 54,8 tỷ đồng, tăng 2%, công nghiệp ngoài quốc doanh đạt 111,1 tỷ đồng, tăng 3% so với năm 1991. Những ngành và sản phẩm tăng khá là ngành công nghiệp điện tử tăng 11%, ngành hoá chất tăng 23%, ngành vật liệu xây dựng tăng 12%, chế biến lương thực tăng 17%, quần áo may sẵn tăng 16,3%. Các huyện có giá trị tăng cao là Kim Bảng tăng 13%, Lý Nhân tăng 10%...

Vào cuối tháng 6-1993, đồng chí Võ Văn Kiệt, Ủy viên Bộ Chính trị, Thủ tướng Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam về thăm và làm việc với Đảng bộ và nhân dân tỉnh Nam Hà. Trong chuyến thăm và làm việc tại tỉnh, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã đi khảo sát thực địa hiện trường xây dựng Nhà máy xi măng Bút Sơn và cụm công nghiệp vật liệu xây dựng tại huyện Kim Bảng.

Trong buổi làm việc với lãnh đạo tỉnh, Thủ tướng đã nghe lãnh đạo Bộ Xây dựng và Liên hiệp xi măng Việt Nam báo cáo dự án xây dựng Nhà máy xi măng Bút Sơn<sup>(1)</sup>, công suất 2,8 triệu tấn/năm. Theo báo cáo của Bộ Xây dựng, việc xây dựng Nhà máy xi măng Bút Sơn có các điều

---

(1). Nhà máy xi măng Bút Sơn được Trung Quốc giúp quy hoạch từ năm 1970. Nhưng năm 1978-1979, chuyên gia Trung Quốc rút hết về nước, tỉnh vẫn có bộ phận quản lý mặt bằng.

kiện thuận lợi về nguyên liệu, giao thông, nguồn cung cấp điện, nước và thị trường tiêu thụ... Thủ tướng Chính phủ đã nhất trí với đề nghị của Bộ Xây dựng và lãnh đạo tỉnh về chủ trương xây dựng Nhà máy xi măng Bút Sơn. Thủ tướng khẳng định việc xây dựng Nhà máy xi măng Bút Sơn là yêu cầu cấp bách của tỉnh, của đất nước trong công cuộc đổi mới.

Về tình hình kinh tế - xã hội của tỉnh, Thủ tướng yêu cầu: Nam Hà là tỉnh nông nghiệp, tỉnh cần rà soát lại những thế mạnh, những khó khăn để xây dựng phương hướng phù hợp của địa phương đi lên thoát khỏi nghèo nàn. Phải đi lên bằng chính tiềm năng của mình. Về công nghiệp, phải có cơ chế, chính sách để cho các thành phần kinh tế đều phát triển; phải xây dựng các dự án để kêu gọi đầu tư của nước ngoài; sau đó Thủ tướng đã đến thăm Công ty điện tử Hà Nam.

Thực hiện Nghị định số 388/HĐBT của Hội đồng Bộ trưởng và Quyết định số 90/TTg của Thủ tướng Chính phủ, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh tập trung sắp xếp lại hệ thống doanh nghiệp Nhà nước trên địa bàn. Tính đến ngày 31-12-1993, toàn tỉnh có 152 doanh nghiệp được sắp xếp lại, trong đó ở khu vực Hà Nam tiến hành sắp xếp từ 83 doanh nghiệp năm 1991, giảm xuống còn 47 doanh nghiệp năm 1993. Thị xã Hà Nam từ 14 doanh nghiệp còn 7. Huyện Duy tiên từ 13 doanh nghiệp còn 6. Huyện Kim Bảng từ 17 doanh nghiệp còn 9. Huyện Bình Lục từ 15 doanh nghiệp còn 10. Huyện Thanh Liêm từ 13 doanh nghiệp còn 9. Huyện Lý Nhân từ 11 doanh nghiệp còn 6.



Qua việc sắp xếp lại doanh nghiệp Nhà nước đã tác động tích cực đến hệ thống kinh tế quốc doanh địa phương, ngăn được tình trạng suy giảm công nghiệp những năm trước đây, giải quyết được một phần công nợ tồn đọng, thua lỗ, khôi phục lại lòng tin và quan hệ tín dụng đối với các ngân hàng; sản xuất kinh doanh có bước tăng trưởng, bảo toàn được vốn, đóng góp ngân sách Nhà nước, ổn định đời sống của công nhân, viên chức trong các doanh nghiệp.

Cùng với sắp xếp doanh nghiệp Nhà nước, Nam Hà khuyến khích thành phần kinh tế tư nhân phát triển. Tỉnh đã cho phép thành lập 44 công ty trách nhiệm hữu hạn và doanh nghiệp tư nhân; hàng nghìn hộ tiểu thương hành nghề. Qua đó, giá trị tổng sản lượng công nghiệp trên địa bàn tỉnh năm 1993 đạt 288,02 tỷ đồng, đạt 101,3% so với năm 1992, trong đó công nghiệp Trung ương đạt 101,9 tỷ đồng, đạt 91,4% so với năm 1992; công nghiệp địa phương đạt 186 tỷ đồng, tăng 7,6% so với năm 1992 (quốc doanh tăng 5,2%; ngoài quốc doanh tăng 8,7%). Các ngành có tốc độ tăng khá là hoá chất, chế biến gỗ, chế biến lương thực - thực phẩm, vật liệu xây dựng.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII), Tỉnh uỷ xây dựng *Đề án phát triển công nghiệp, công nghệ và giai cấp công nhân đến năm 2000 theo hướng công nghiệp hoá, hiện đại hoá*. Thực hiện Đề án của Tỉnh uỷ, các doanh nghiệp Nhà nước khắc phục dần tình trạng đình đốn, đi vào thể phát triển ổn định.



*Dây chuyền I Công ty xi măng Bút Sơn, công suất 1,4 triệu tấn/năm, khởi công xây dựng năm 1995, khánh thành và đi vào hoạt động năm 1997*

Nhiều doanh nghiệp tiến hành đầu tư chiều sâu, đổi mới công nghệ, mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm. Đến tháng 12-1995, toàn tỉnh có 174 doanh nghiệp Nhà nước được thành lập và thành lập lại; thành lập mới 125 doanh nghiệp tư nhân và công ty trách nhiệm hữu hạn. Năm 1995, giá trị sản lượng công nghiệp trên địa bàn đạt 380 tỷ đồng (năm 1994 đạt 319,1 tỷ đồng), tăng 13,3%, trong đó công nghiệp Trung ương tăng 7,6%, công nghiệp quốc doanh địa phương tăng 16,2%, công nghiệp ngoài quốc doanh tăng 15,7%. Có 17/18 ngành sản xuất công nghiệp tăng từ 4 đến 65% so với năm 1994. Ngày 27-8-1995, Nhà máy xi măng Bút Sơn được khởi công xây dựng, Thủ tướng Võ Văn Kiệt đã về dự lễ động thổ.

Công nghiệp ngoài quốc doanh phát triển đa dạng về loại hình và sản phẩm; các làng nghề, ngành nghề truyền thống được khôi phục và phát triển, đã thu hút và giải quyết việc làm cho 118.420 người, tăng 5% so với năm 1994, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế của địa phương.

Trong 5 năm (1991-1995), sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp dần đi vào ổn định và có bước phát triển. Giá trị tổng sản lượng tăng 5% (Đại hội Đảng bộ đề ra tăng 4-5%), trong đó quốc doanh tăng 1,9%/năm, ngoài quốc doanh tăng 9,3%/năm. Đã có 18 ngành trong tổng số 19 ngành công nghiệp có mức sản xuất tăng khá, trên 70% sản phẩm chủ yếu tăng. Những sản phẩm tiểu thủ công nghiệp truyền thống được duy trì và phát triển, như chăn bông ở xã Mỹ Thắng, long nhãn, ương tơ ở xã Hưng Công, Bình Nghĩa, Ngọc Lũ, huyện Bình Lục.

Mặc dù đã có nhiều đổi mới, nhưng nhìn chung, công nghiệp của tỉnh phát triển chậm, quy mô sản xuất nhỏ, công nghệ lạc hậu, năng suất lao động và hiệu quả kinh tế thấp. Sản phẩm của làng nghề truyền thống chưa được cải tiến để phù hợp với thị hiếu người tiêu dùng. Các thành phần kinh tế và các khu vực kinh tế chưa tạo thế hỗ trợ cho nhau. Công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng mới hình thành, công nghiệp chế biến nông sản, thực phẩm chậm phát triển. Thiếu cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật giỏi hoạt động trong ngành công nghiệp. Trình độ cán bộ chưa phù hợp với yêu cầu mới. Tư tưởng của thời kỳ bao cấp, tính ỷ lại chưa hoàn toàn được khắc phục.

Trong xây dựng cơ bản nguồn vốn đã được tỉnh tăng cường đầu tư, cơ sở vật chất - kỹ thuật có chuyển biến tích cực. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ dành nhiều thời gian thảo luận, cho ý kiến về định hướng quy hoạch tổng thể thị xã Hà Nam. Trải qua quá trình xây dựng và phát triển, ngày 29-11-1993, Bộ Xây dựng ra Quyết định số 305-QĐ/BXD công nhận thị xã Hà Nam là đô thị loại IV. Ngày 14-11-1994, Uỷ ban nhân dân tỉnh ra Quyết định phê duyệt quy hoạch xây dựng tổng thể thị xã Hà Nam đến năm 2010. Tỉnh xác định thị xã Hà Nam là trung tâm giao lưu kinh tế, văn hoá, xã hội phía Bắc tỉnh, là cửa ngõ phía Nam thủ đô Hà Nội, là nơi tập trung đầu mối giao thông, kỹ thuật hạ tầng quan trọng của tỉnh và quốc gia. Tiếp cận với khu công nghiệp của Trung ương, có nhiều thuận lợi để phát triển các ngành công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, cơ khí, điện tử, may mặc, da giày, chế biến thực phẩm, bia, nước

giải khát... Căn cứ quy hoạch, thị xã đẩy nhanh tiến độ xây dựng cơ bản, từng bước làm thay đổi bộ mặt đô thị và hình thành các trung tâm kinh tế.

Để có kết cấu hạ tầng về điện, đường, nước, Tỉnh uỷ và Uỷ ban nhân dân tỉnh đã trực tiếp làm việc với các bộ, ngành Trung ương, thống nhất kế hoạch đầu tư và chủ động bố trí vốn của địa phương để khởi công xây dựng các công trình quan trọng. Tổng vốn đầu tư hàng năm đều tăng. Năm 1995, tổng vốn đầu tư xây dựng là 526 tỷ đồng. Phong trào làm đường giao thông phát triển mạnh. Hệ thống thủy lợi, hệ thống lưới điện, thông tin liên lạc được mở rộng và nâng cấp. Các công trình thuộc kết cấu hạ tầng y tế, văn hoá, giáo dục được quan tâm đầu tư tốt hơn. Tuy nhiên, nhu cầu về vốn còn hạn chế, nhất là những ngành, những vùng trọng điểm kinh tế. Công tác quản lý dự án còn hạn chế, chất lượng các dự án đầu tư, thiết kế, dự toán còn yếu. Tình trạng nợ các công trình xây dựng cơ bản ngày một nhiều.

Công tác tài chính, ngân hàng được Đảng bộ hết sức quan tâm. Nhằm khắc phục một bước khó khăn do mất cân đối trong thu, chi ngân sách địa phương, ngày 24-9-1992 Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 01-CT/TU Về tăng cường chỉ đạo công tác tài chính - ngân sách. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ yêu cầu phải xác định rõ công tác tài chính - ngân sách là trách nhiệm của các cấp, các ngành trong tỉnh. Ngành tài chính tham mưu giúp cấp uỷ, chính quyền đề ra những biện pháp hữu hiệu nhằm tăng các nguồn thu và chống thất thu, thực hiện chi tiết kiệm, hợp

lý. Ngày 14-7-1993, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ tiếp tục ra Chỉ thị số 08-CT/TU *Về công tác quản lý ngân sách xã*. Thực hiện các chỉ thị của Tỉnh uỷ, hoạt động của ngành tài chính có chuyển biến tích cực, tăng cường khai thác các nguồn thu, đáp ứng nhu cầu chi thường xuyên, đột xuất và đầu tư xây dựng. Năm 1995 thu ngân sách trên địa bàn đạt 198 tỷ đồng, tăng 10,6% so với kế hoạch, tăng 44 tỷ đồng so với năm 1993.

Hoạt động của hệ thống ngân hàng có nhiều đổi mới, từng bước phù hợp với cơ chế thị trường. Ngày 12-9-1992, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Chỉ thị số 24/CT-UB *Về tiếp tục xử lý tồn tại của các hợp tác xã tín dụng không đủ điều kiện hoạt động*. Năm 1993, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ chỉ đạo làm thí điểm quỹ tín dụng nhân dân. Đến năm 1995 toàn tỉnh có 41 xã thành lập Quỹ tín dụng nhân dân, tổng số cổ phần là 2,5 tỷ đồng và doanh số cho vay là 20 tỷ đồng. Do đó, đã hình thành hệ thống ngân hàng thương mại, khai thác nhanh nguồn vốn, mở rộng thành phần cho vay, bước đầu có sự cạnh tranh giữa ngân hàng thương mại và quỹ tín dụng nhân dân, làm tăng thêm tính năng động của các tổ chức tín dụng, góp phần phát triển kinh tế gia đình và khắc phục dân tệ cho vay nặng lãi ở nông thôn. Năm 1994, tổng nguồn vốn huy động ở địa phương đạt 126,4 tỷ đồng, nhưng 6 tháng đầu năm 1995 huy động được 192 tỷ đồng. Năm 1994, dư nợ cho vay 391,5 tỷ đồng, trong đó dư nợ cho hộ nông dân vay chiếm 80%. Công tác quản lý thu chi tiền mặt có tiến bộ, phương thức thanh

toán được cải tiến, chấm dứt tình trạng thường xuyên khan hiếm tiền mặt như những năm 1990 trở về trước.

Thực hiện đường lối kinh tế nhiều thành phần của Đảng, Đảng bộ tỉnh chủ trương khuyến khích các thành phần kinh tế phát triển, nhất là lĩnh vực thương mại, du lịch, xuất khẩu tạo ra thị trường sôi động, thông thoáng, có hiệu quả. Các thành phần kinh tế được khuyến khích tham gia đẩy mạnh lưu thông hàng hoá. Số hộ tiểu thương tăng nhanh, kinh doanh đa dạng, nhanh nhạy, kịp thời. Thương nghiệp quốc doanh được củng cố, tăng cường và nâng cao vai trò hoạt động, nắm chủ yếu khâu bán buôn, nắm chắc những mặt hàng thiết yếu về vật tư, kỹ thuật, lương thực, xăng dầu, thuốc chữa bệnh, những sản phẩm xuất khẩu quan trọng, bảo đảm cung cấp các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân. Tổng số mức bán lẻ thị trường xã hội năm 1995 tăng 19,9% so với năm 1994 (quốc doanh chiếm 23,5%). Công tác quản lý thị trường, chống buôn lậu và gian lận thương mại được tăng cường; khuyến khích xây dựng, nâng cấp chợ nông thôn để mở rộng thị trường giao lưu hàng hoá, phục vụ đời sống nhân dân.

Trong những năm (1992-1995), kim ngạch xuất khẩu có bước tăng trưởng. Giá trị hàng xuất khẩu của địa phương (không kể các doanh nghiệp Trung ương trên địa bàn) tăng từ 5,5 triệu USD năm 1991, lên 15 triệu USD năm 1995. Nhưng hàng năm đều không đạt kế hoạch, nguyên nhân là do các địa phương chưa khai thác hết tiềm năng sản xuất nông - lâm - ngư nghiệp và công nghiệp; công nghiệp chế biến lạc hậu, xuất khẩu nguyên liệu thô còn phổ biến;

công tác quản lý còn buông lỏng nên hiệu quả thấp; thị trường bị thu hẹp, nhất là từ khi Liên Xô tan rã và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ.

Kinh tế đối ngoại có nhiều đổi mới, tiến bộ. Tăng cường thu hút viện trợ của các nước và tổ chức phi chính phủ cho địa phương. Trong 5 năm (1991-1995), Nam Hà thu hút hàng chục triệu USD đầu tư cho y tế, giáo dục và xây dựng nông thôn. Điển hình là OECF viện trợ xây dựng nhà máy nước Nam Hà và chương trình nâng cấp đường bộ; vốn ODA của Nhật cho 13 trường tiểu học; viện trợ cải tạo, nâng cấp bệnh viện Hà Nam của Úc. Đã có một số dự án đầu tư nước ngoài được triển khai. Đến cuối năm 1995, toàn tỉnh có 6 dự án đầu tư nước ngoài, với trên 23.000 USD.

Quán triệt các quan điểm đổi mới của Đảng, với mục tiêu “vì con người”, sự nghiệp giáo dục - đào tạo của tỉnh luôn được quan tâm, đầu tư. Thực hiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 4 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII), ngày 10-5-1993, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 03-NQ/TU về *Nhiệm vụ giáo dục - đào tạo, văn hoá - văn nghệ, chăm sóc sức khoẻ nhân dân, dân số - kế hoạch hoá gia đình và công tác thanh niên đến năm 1995 và năm 2000*. Về giáo dục- đào tạo Tỉnh uỷ nhấn mạnh: Tiếp tục đổi mới sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh theo mục tiêu nâng cao dân trí, đào tạo nhân lực, hạn chế tối đa học sinh bỏ học, mở rộng ngành học mầm non, đạt phổ cập tiểu học vững chắc về số lượng và chất lượng, phấn đấu từng bước mở rộng phổ cập trung học cơ sở trong



độ tuổi, tích cực xoá mù chữ, mù nghề cho người lao động. Sắp xếp lại hệ thống giáo dục phổ thông, dạy nghề, chuyên nghiệp trong tỉnh cho phù hợp với yêu cầu mới.

Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 10-5-1993 của Tỉnh uỷ, sự nghiệp giáo dục có bước phát triển mới về quy mô và chất lượng theo hướng toàn diện. Truyền thống hiếu học, dạy tốt, học tốt được phát huy. Quy mô giáo dục - đào tạo không ngừng phát triển ở tất cả các ngành học, cấp học. Từ năm học 1993-1994, số lượng học sinh tăng dần. Ngành học mầm non, năm học 1994-1995 số đi nhà trẻ 58.763 cháu, tăng 3.416 cháu, đi mẫu giáo 105.762 cháu, tăng 9.164 cháu so với năm học trước. Riêng trẻ 5 tuổi huy động được 56.763, đạt 98% trong độ tuổi, tăng 6.175 cháu, tạo điều kiện thuận lợi cho việc phổ cập giáo dục tiểu học theo hướng có chất lượng.

Ngành học phổ thông, bậc tiểu học năm học 1993-1994 có 369.970 học sinh, tăng 4.067 học sinh so với năm học 1992-1993; trung học cơ sở số học sinh tăng liên tục: Năm học 1992-1993 có 123.007 học sinh; năm học 1993-1994 có 145.070 học sinh và năm học 1994-1995 có 174.917 học sinh. Có 50 xã, phường đã hoàn thành phổ cập trung học cơ sở. Trung học phổ thông, năm học 1992-1993 có 23.634 học sinh, đến năm 1994-1995 có 33.410 học sinh, tăng 9.776 học sinh. Số lượng học sinh trúng tuyển vào các trường đại học, cao đẳng năm học 1993-1994 có 1.000 học sinh nhưng đến năm học 1994-1995 tăng lên 2.000 học sinh.

Thực hiện chủ trương đa dạng hoá các loại hình trường lớp, ngành mầm non đã phát triển nhiều nhóm trẻ gia đình,

hình thành các lớp mẫu giáo dân lập. Ngành học phổ thông được tỉnh cho mở 2 trường trung học phổ thông dân lập, 1 trường trung học phổ thông bán công và 100% số trường trung học phổ thông có lớp bán công. Nhiều lớp cao đẳng, đại học tại chức được mở tại Trung tâm tại chức của tỉnh và nhiều trung tâm giáo dục thường xuyên huyện. Việc thực hiện đa dạng hoá các loại hình trường lớp tạo điều kiện cho nhiều người được đi học và góp phần nâng cao chất lượng dạy và học. Chất lượng văn hoá đại trà và chất lượng học sinh giỏi đều tăng. Số học sinh giỏi ngành phổ thông tăng từ 5% lên 10%. Năm học 1992-1993 có 63 học sinh đạt giải quốc gia, trong đó có em Ngô Quang Long, huyện Lý Nhân đạt giải khuyến khích môn Vật lý tại kỳ thi quốc tế; năm học 1994-1995 có 102 học sinh đạt giải quốc gia, đứng đầu toàn quốc về số học sinh giỏi đạt giải quốc gia. Đặc biệt là có 6/6 em học sinh của tỉnh dự thi Olympic tiếng Nga tại Mátxcơva đều đạt huy chương: 4 vàng, 1 bạc, 1 đồng.

Đội ngũ giáo viên đạt chuẩn cao so với cả nước (tiểu học đạt 90%, trung học cơ sở đạt 95%, trung học phổ thông đạt gần 100%). Hầu hết giáo viên có trình độ chuyên môn và phẩm chất đạo đức, xuất hiện nhiều tấm gương tận tụy vì sự nghiệp giáo dục thế hệ trẻ, các nhà giáo chân chính được xã hội tôn vinh.

Cùng với việc quan tâm mở rộng, đa dạng các loại hình trường lớp, tỉnh hết sức chú trọng tới việc xây dựng cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học. Bằng nguồn vốn của Trung ương, kinh phí của các địa phương và sự đóng

góp của nhân dân, nhiều trường học được xây dựng kiên cố. Năm học 1992-1993 có 30% xã, phường có trường cao tầng, năm học 1994-1995 đã tăng lên 60%. Huyện Kim Bảng có 100% số xã, thị trấn có trường cao tầng. Huyện Bình Lục có 27/28 xã xây dựng trường học kiên cố, cao tầng.

Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 10-5-1993, của Tỉnh uỷ yêu cầu: Thực hiện đồng bộ 13 chương trình chăm sóc sức khoẻ cho nhân dân. Phần đầu giảm tỷ lệ tử vong trẻ sơ sinh, giảm tỷ lệ trẻ suy dinh dưỡng, giảm tỷ lệ người mắc bệnh xã hội, tăng tuổi thọ của nhân dân trong tỉnh. Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh uỷ, sự nghiệp y tế của tỉnh có bước chuyển biến mới. Công tác chăm sóc, bảo vệ sức khoẻ, nhất là bảo vệ, chăm sóc sức khoẻ ban đầu cho nhân dân được quan tâm hơn. Mạng lưới y tế từ tỉnh đến cơ sở được củng cố, tăng cường về đội ngũ y, bác sĩ và cơ sở vật chất, trang thiết bị khám chữa bệnh. Ngoài bệnh viện tỉnh, Nam Hà có 14 bệnh viện huyện, 34 phòng khám đa khoa, 307 trạm y tế xã, bình quân 484 người có 1 cán bộ y tế. Y học hiện đại kết hợp với y học cổ truyền, bảo hiểm y tế và dịch vụ y tế phát triển tạo điều kiện thuận lợi cho người bệnh. Các chương trình quốc gia về y tế được thực hiện nghiêm túc, số cháu trong độ tuổi tiêm chủng, phòng bệnh đạt gần 100%. Chương trình quốc gia phòng, chống suy dinh dưỡng cho trẻ em được các huyện, thị, xã, phường, thị trấn triển khai thực hiện có hiệu quả. Công tác chăm sóc, bảo vệ bà mẹ, trẻ em có chuyển biến bước đầu. Công tác truyền thông dân số và dịch vụ kế hoạch hoá gia đình

được đáp ứng kịp thời. Ngày 28-9-1996, ngành y tế Bình Lục vinh dự được Nhà nước tặng Huân chương Lao động hạng II. Tuy nhiên, tỷ lệ phát triển dân số vẫn còn cao: năm 1993 là 2,06%, năm 1994 là 1,87%, năm 1995 là 1,76%. Ở vùng công giáo và miền núi tỷ lệ còn cao hơn.

Thực hiện Nghị quyết số 03-NQ/TU, ngày 10-5-1993 của Tỉnh uỷ, hoạt động văn hoá, văn nghệ, thông tin, báo chí bám sát nhiệm vụ chính trị của địa phương; đổi mới nội dung và phương thức hoạt động, tập trung tuyên truyền đường lối đổi mới, các điển hình tiên tiến; tuyên truyền, giáo dục pháp luật, truyền thống cách mạng của quê hương, đất nước, đồng thời phê phán các hiện tượng tiêu cực, đấu tranh chống tham nhũng, góp phần làm lành mạnh các quan hệ xã hội. Các phương tiện truyền thông đại chúng được nâng cấp, đáp ứng yêu cầu của công tác tuyên truyền trong tình hình mới.

Đời sống văn hoá ở cơ sở có nhiều khởi sắc. Cùng với việc lãnh đạo nhân dân thực hiện cuộc vận động “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”, cấp uỷ, chính quyền các địa phương từng bước bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử, văn hoá, khôi phục các lễ hội truyền thống, nhằm phục vụ tốt hơn công tác giáo dục truyền thống cho nhân dân trong tỉnh.

Phong trào thể dục, thể thao được duy trì và mở rộng, góp phần tăng cường thể chất, sức khoẻ cho nhân dân. Các huyện, thị xã, thành phố và nhiều xã, phường, thị trấn xây dựng sân thể dục, thể thao cho thanh thiếu niên vui chơi, giải trí, luyện

tập nâng cao sức khoẻ. Nhiều hoạt động thi đấu bóng đá, bóng chuyền, cầu lông... được tổ chức thường xuyên ở tỉnh và cơ sở. Một số môn thể thao truyền thống là thế mạnh của tỉnh được quan tâm phát triển và đạt thành tích cao trong các giải đấu quốc gia và khu vực.

Việc thực hiện chính sách xã hội và các hoạt động “đền ơn, đáp nghĩa” được các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể nhân dân trong tỉnh đặc biệt quan tâm. Ngày 12-12-1994, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 22-CT/TU về *Tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện tốt chính sách đối với thương binh và gia đình liệt sỹ*. Quán triệt Chỉ thị của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, với truyền thống “Uống nước nhớ nguồn”, các cấp uỷ Đảng, chính quyền, các đoàn thể nhân dân thường xuyên chăm lo cho các gia đình thương binh, liệt sỹ, gia đình có công với cách mạng. Cuộc vận động quỹ “đền ơn đáp nghĩa”, xây nhà tình nghĩa, tặng sổ tiết kiệm, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng được toàn dân hưởng ứng đem lại kết quả thiết thực. Các chế độ chi trả bảo hiểm xã hội, trợ cấp gia đình chính sách thực hiện đúng, đủ, kịp thời, đáp ứng yêu cầu đảm bảo đời sống hàng ngày của các đối tượng chính sách. Trong 5 năm (1991-1995), các địa phương xây dựng được 1.350 ngôi nhà tình nghĩa, tặng 9.000 sổ tiết kiệm. Đặc biệt là qua 3 đợt phong tặng và truy tặng, toàn tỉnh có 1.198 Bà mẹ Việt Nam anh hùng đều được các đơn vị, các tổ chức xã hội nhận chăm sóc, phụng dưỡng.

Thông qua Mặt trận Tổ quốc, Hội Chữ thập đỏ triển khai một số hoạt động nhân đạo, từ thiện giúp đỡ người tàn tật, trẻ em lang thang cơ nhỡ, ủng hộ đồng bào bị thiên tai, ủng hộ nhân dân Cu-ba và đã trở thành phong trào rộng rãi.

Chương trình xoá đói, giảm nghèo, gắn với giải quyết việc làm được coi là nhiệm vụ trọng tâm, thường xuyên của các cấp uỷ Đảng, chính quyền, Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng cùng các tổ chức xã hội. Huyện Kim Bảng là đơn vị đầu tiên thực hiện phong trào xóa đói, giảm nghèo. Năm 1990, bắt đầu từ xã Khả Phong, sau đó huyện phát động thành phong trào toàn huyện. Tháng 4-1996, Kim Bảng tổ chức lễ ra quân phát động phong trào xóa nhà tranh cho các hộ nghèo, giúp nhau xây dựng nhà tình nghĩa. Từ đây, Kim Bảng trở thành một trong những đơn vị đi đầu trong cả nước về phong trào xóa nhà tranh cho hộ nghèo. Qua đó, đời sống nhân dân ổn định, nhiều mặt được cải thiện. Những hộ có mức sống khá trở lên chiếm 33,1%, hộ nghèo giảm còn 14,2%. Đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân không ngừng được cải thiện, 82,6% số hộ nông dân có nhà mái ngói, mái bằng. Phương tiện giao thông, thông tin liên lạc được tăng cường đầu tư, 100% số xã và 93,5% số hộ ở nông thôn đã được dùng điện; gần 35% số hộ có ti vi. Mạng lưới điện thoại mở rộng tới các xã và nhiều gia đình trong tỉnh.

### III. XÂY DỰNG THỂ TRẬN QUỐC PHÒNG - AN NINH NHÂN DÂN, GIỮ VỮNG ỔN ĐỊNH CHÍNH TRỊ

Bước sang thập kỷ 90 của thế kỷ XX, tình hình thế giới và khu vực diễn biến phức tạp. Liên Xô tan rã và các nước xã hội chủ nghĩa Đông Âu sụp đổ. Mô hình chủ nghĩa xã hội lâm vào khủng hoảng. Lợi dụng tình hình đó, chủ nghĩa đế quốc câu kết với bọn phản động trong nước ra sức chống phá cách mạng nước ta, nhằm xoá bỏ chế độ xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam. Trước tình hình đó, tháng 6 năm 1992

Hội nghị lần thứ 3 Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VII) xác định: củng cố quốc phòng và giữ vững an ninh quốc gia là nhiệm vụ chung của toàn Đảng, toàn dân và toàn quân<sup>(1)</sup>; tiếp đến ngày 21-7-1992, Ban Bí thư Trung ương Đảng ra Chỉ thị số 13-CT/TW yêu cầu các cấp uỷ Đảng tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết Trung ương 3. Căn cứ tình hình thực tế của địa phương, Tỉnh uỷ Nam Hà xây dựng chương trình hành động thực hiện công tác quốc phòng, an ninh trên địa bàn.

Công tác quân sự địa phương được Đảng, chính quyền đặc biệt coi trọng. Ngay sau khi tái lập tỉnh, ngày 26-5-1992, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 01-NQ/TU về *Công tác quân sự địa phương trong tình hình mới*. Tỉnh uỷ yêu cầu: “phát huy cao độ chủ nghĩa yêu nước, truyền thống cách mạng, tinh thần độc lập tự chủ, tự lực, tự cường; cảnh giác cách mạng; tiếp tục đổi mới công tác quốc phòng trong tình hình mới. Ra sức nâng cao sức mạnh của thế trận quốc phòng và an ninh nhân dân, nâng cao chất lượng các lực lượng vũ trang và sức mạnh tổng hợp của quân, dân Nam Hà, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ bảo vệ vững chắc địa phương, góp phần bảo vệ an ninh, độc lập chủ quyền và toàn vẹn lãnh thổ của đất nước; bảo vệ Đảng, bảo vệ chính quyền nhân dân, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Ngăn chặn và đập tan âm mưu, hành động “diễn biến hoà bình”, “bạo loạn lật đổ”, của kẻ thù và sẵn sàng ứng phó với mọi tình huống có thể xảy ra.

---

(1). Hội nghị lần thứ ba Ban Chấp hành Trung ương Đảng tập trung bàn về công tác đổi mới và chỉnh đốn Đảng, trong đó có đề cập đến nhiệm vụ công tác quốc phòng và an ninh.

Cùng với cả nước, sẵn sàng làm tròn nhiệm vụ hậu phương. Trong những nhiệm vụ trên, nhiệm vụ chống “diễn biến hoà bình”, “bạo loạn lật đổ” là nhiệm vụ cấp bách hàng đầu”.

Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh uỷ, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh và các Ban chỉ huy quân sự huyện, thành, thị, xã, phường, thị trấn tiến hành củng cố, kiện toàn lực lượng dân quân, tự vệ về quân số, huấn luyện sử dụng khí tài mới và không ngừng bồi dưỡng nâng cao nhận thức chính trị, năng lực nghiệp vụ quân sự trong thời kỳ mới. Qua đó, dân quân, tự vệ có số lượng hợp lý, chất lượng cao, cả trên bộ, trên biển, đủ các thành phần, lực lượng các binh chủng sát địa bàn, sát phương án tác chiến xã, phường, thị trấn đủ sức tham gia giải quyết những vướng mắc ở cơ sở, góp phần giữ vững an ninh trật tự trên địa bàn. Các huyện xây dựng khung tiểu đoàn, đại đội, trung đội cơ động trực chiến. Kế hoạch, phương án phòng thủ, sẵn sàng chiến đấu ở các cấp liên tục được bổ sung, hoàn thiện và tổ chức cho bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ tập luyện, diễn tập quân sự hàng năm theo đúng kế hoạch. Các khu vực phòng thủ được xác định cụ thể. Các đơn vị quân đội đóng trên địa bàn đều có sự phối hợp chặt chẽ với lực lượng bộ đội địa phương, dân quân, tự vệ cơ sở hỗ trợ nhau trong huấn luyện và sẵn sàng chi viện chiến đấu khi cần thiết. Thông qua các đợt diễn tập, khả năng sẵn sàng chiến đấu của lực lượng vũ trang toàn tỉnh được nâng cao.

Lực lượng dự bị động viên được xây dựng vững chắc, sát hợp với thực tiễn của địa phương và quân đội về biên chế và chất lượng huấn luyện sẵn sàng chiến đấu. Huyện



Kim Bảng xây dựng thành công Trung đoàn dự bị động viên Đặc công. Đồng thời, mỗi xã có một trung đội dự bị Đặc công thường trực làm nhiệm vụ an ninh, quốc phòng, bảo vệ sản xuất cho nhân dân và công tác hậu cần quân sự địa phương. Thực hiện phong trào “làm giàu đánh thắng”, Kim Bảng là đơn vị điển hình của Quân khu 3, được đi báo cáo ở nhiều nơi trên toàn quốc và báo cáo tại Campuchia và Cu Ba.

Lực lượng bộ đội của tỉnh đã được xây dựng theo hướng gọn, mạnh và luôn luôn vững vàng về chính trị, hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ trong mọi tình huống. Đồng thời làm tốt công tác dân vận, cùng Đảng bộ và nhân dân các địa phương giữ vững ổn định chính trị, đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội.

Nhiệm vụ kết hợp kinh tế với quốc phòng được quán triệt và thực hiện có hiệu quả ở mọi cấp, mọi ngành, ở các địa phương, đơn vị trong và ngoài lực lượng vũ trang. Đặc biệt là trong công tác phòng chống bão lụt.

Công tác tuyển quân được đổi mới, đảm bảo chất lượng, thực hiện đúng chính sách, đúng luật định. Nhiệm vụ tuyển quân hàng năm đều đạt chỉ tiêu trên giao cả về số lượng và chất lượng. Hầu hết số thanh niên trúng tuyển nghĩa vụ quân sự đều có trình độ văn hoá từ trung học cơ sở đến trung học phổ thông, được giác ngộ chính trị, đảm bảo xây dựng quân đội chính quy, tinh nhuệ, từng bước hiện đại, phù hợp với yêu cầu mới.

Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã từng tiễn đưa 887.000 người con lên đường chiến đấu giành độc lập dân tộc và

bảo vệ Tổ quốc. Nhiều đồng chí đã anh dũng hy sinh hoặc cống hiến một phần xương máu của mình cho sự nghiệp cao cả của dân tộc. Toàn tỉnh có hơn 4% dân số thuộc đối tượng chính sách, trong đó có 48.847 liệt sĩ, 21.894 thương binh, 18.818 bệnh binh, 10.500 bộ đội nghỉ hưu và 92 gia đình có công với nước. Chấp hành Chỉ thị số 30-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chỉ thị số 105/HĐBT của Chủ tịch Hội đồng Bộ trưởng, dưới sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh đã thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội và đã trở thành nét đẹp truyền thống của địa phương. Công tác báo tử, xác minh mất tin, mất tích có nhiều cố gắng, đã xác minh lập hồ sơ báo tử 136 trường hợp mất tin, mất tích, trong đó thời kỳ kháng chiến chống Pháp là 44 trường hợp, kháng chiến chống Mỹ là 34 trường hợp, chiến đấu bảo vệ Tổ quốc là 51 trường hợp. Ngoài ra tỉnh còn tiếp nhận 470 hồ sơ từ các đơn vị quân đội chuyển về địa phương tổ chức báo tử và thực hiện chính sách chu đáo. Huyện Bình Lục là đơn vị làm tốt công tác này.

Tích cực giải quyết tồn đọng về chính sách thương binh. Trong 4 năm (1989-1993), toàn tỉnh đã tổ chức giám định, giải quyết quyền lợi cho 110 trường hợp bị thương trong chiến đấu vì lý do chính đáng chưa giám định thương tật. 80 trường hợp được cấp thẻ thương binh và 7 trường hợp được hưởng chính sách như thương binh. Phong trào đón thương binh nặng về gia đình nuôi dưỡng vẫn được duy trì và có bước phát triển mới. Đến năm 1993, toàn tỉnh đón 786 thương binh nặng về nuôi dưỡng tại gia đình, chỉ còn 91 đồng chí đang an dưỡng tại Trung tâm điều dưỡng.

Thực hiện nghiêm túc, chính xác công tác khen thưởng sau chiến tranh, toàn tỉnh trao tặng 170.430 huân, huy chương cho các đối tượng. Đồng thời tiếp nhận 3.500 huân, huy chương từ các đơn vị chuyển về địa phương trao tặng.

Phong trào “đền ơn, đáp nghĩa” đã đi vào chiều sâu. Mặc dù nguồn ngân sách còn khó khăn nhưng để tri ân các liệt sĩ, toàn tỉnh xây mới 108 nghĩa trang, 7 đài tưởng niệm và tu bổ, nâng cấp 200 nghĩa trang. Đặc biệt là đã quy tập 2.022 mộ liệt sĩ vào nghĩa trang. Ngoài ra, các địa phương còn thường xuyên thăm hỏi, giúp đỡ, tặng quà các gia đình liệt sĩ, gia đình quân nhân và các thương binh. Toàn tỉnh đã xây dựng được 1.350 ngôi nhà tình nghĩa và tặng 9.000 sổ tiết kiệm cho gia đình chính sách. Việc thực hiện tốt chính sách hậu phương quân đội đã khơi dậy được tình nghĩa, đạo lý, nếp sống thủy chung trong các tầng lớp nhân dân trong tỉnh, nhất là thế hệ trẻ. Qua đó, góp phần giữ vững ổn định chính trị - xã hội, củng cố nền quốc phòng toàn dân, thực hiện thắng lợi nhiệm vụ quốc phòng - an ninh và các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của địa phương.

Cùng với công tác quân sự địa phương, Đảng bộ tỉnh luôn tăng cường lãnh đạo, chỉ đạo công tác bảo vệ an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội. Ngày 24-01-1992, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 38-CT/TU về *Nhiệm vụ bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội*.

Thực hiện Nghị quyết Trung ương 3 (khóa VII), ngày 24-9-1992, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 01-NQ/TU về *Đẩy mạnh công tác bảo vệ an ninh quốc*

gia, chống âm mưu “diễn biến hoà bình” của địch. Nghị quyết chỉ rõ: “Cần đánh giá và nhận thức đầy đủ, sâu sắc trong toàn Đảng về bản chất, âm mưu, thủ đoạn của chủ nghĩa đế quốc, có đối sách đúng đắn, kiên quyết. Phát huy sức mạnh tổng hợp của hệ thống chính trị, dưới sự lãnh đạo tập trung, thống nhất, toàn diện của các cấp uỷ Đảng, là sự bảo đảm cơ bản nhất để đánh bại âm mưu và hoạt động “diễn biến hoà bình” của địch, giữ vững an ninh quốc gia, trật tự an toàn xã hội”. Thực hiện Nghị quyết của Tỉnh uỷ, ngành công an phối hợp với các ngành chức năng tổ chức quán triệt, triển khai các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, Nhà nước và liên ngành về công tác bảo vệ an ninh - trật tự, nâng cao nhận thức, tinh thần cách mạng và trách nhiệm của quần chúng đối với nhiệm vụ chống “diễn biến hoà bình”, bảo vệ an ninh quốc gia. Phát động phong trào quần chúng phòng ngừa, tấn công trấn áp tội phạm. Trong 5 năm (1991-1995), Nam Hà đã mở 19 đợt trên địa bàn toàn tỉnh. Quần chúng đã tích cực tham gia tuần tra, kiểm soát, phát hiện truy bắt hàng trăm vụ phạm pháp; cung cấp cho lực lượng công an hàng nghìn tin có giá trị về hoạt động của bọn tội phạm. Với nhiều hình thức, biện pháp vận động phong phú, 5 năm (1991-1995) đã vận động trên 1.300 đối tượng phạm tội ra đầu thú. Đặc biệt là đã cảm hoá, giáo dục gần 20.000 lượt đối tượng hình sự, thanh thiếu niên hư, trong đó có trên 6.000 đối tượng đã thật sự hoàn lương, có người lập công xuất sắc trong đấu tranh chống tội phạm hình sự. Phong trào vận động quần chúng

thu nộp vũ khí, vật liệu nổ, tàng trữ, sử dụng trái phép trong nhân dân được quan tâm và đem lại hiệu quả. Lực lượng an ninh đã thu được gần 500 khẩu súng các loại, hàng nghìn viên đạn và nhiều vũ khí thô sơ khác (dao, lê, côn gỗ,...). Đồng thời thực hiện nghiêm Chỉ thị số 406-CT/TTg, ngày 08-8-1994 của Thủ tướng Chính phủ về việc cấm sản xuất, buôn bán, vận chuyển và đốt pháo nổ.

Lực lượng công an phối hợp với các ngành chức năng phát hiện, ngăn chặn kịp thời hàng trăm tài liệu phản động vào địa phương có nội dung ca ngợi chủ nghĩa tư bản, kích động đòi đa nguyên chính trị, đa đảng đối lập; kêu gọi đấu tranh lật đổ chế độ xã hội chủ nghĩa ở nước ta. Kiểm soát chặt chẽ xuất nhập cảnh qua đường bộ và đường biển. Chấn chỉnh, ngăn chặn có hiệu quả tình trạng kinh doanh, tàng trữ, lưu hành văn hoá phẩm có nội dung xấu. Năm 1992, qua kiểm tra phát hiện 338 điểm kinh doanh văn hoá phẩm vi phạm, thu 669 băng nhạc, 60 băng hình, 96 cuốn sách, 61 tranh ảnh, 159 mẫu quảng cáo có nội dung xấu.

Lực lượng công an, quân sự phối hợp với các lực lượng, các ngành, đoàn thể mở 4 đợt tấn công truy quét tội phạm hình sự nguy hiểm và nhiều tụ điểm phức tạp về tệ nạn xã hội làm trong sạch địa bàn, giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Trong quá trình thực hiện cơ chế mới, tình hình nội bộ nhân dân diễn biến phức tạp, tăng cả về số lượng và tính chất nghiêm trọng. Nội dung chủ yếu là tranh chấp đất canh tác, đất đai, cơ sở tôn giáo, đòi chia

tách hợp tác xã... từ tranh chấp đất đai dẫn đến mâu thuẫn giữa các thôn xóm, tập trung khiếu kiện đông người<sup>(1)</sup>.

Tỉnh uỷ chỉ đạo các ngành chức năng công an, quân sự, thanh tra... thâm nhập thực tế, phân tích làm rõ nguyên nhân chủ quan, khách quan dẫn đến tình hình phức tạp. Đó là những nguyên nhân về buông lỏng quản lý đất đai của hệ thống chính quyền; trong giải quyết thì đùn đẩy, né tránh. Một số phần tử tiêu cực, bất mãn xúi giục, kích động quần chúng khiếu kiện đông người. Trình độ nhận thức về pháp luật của một số đảng viên ở nông thôn còn yếu, nhiều vụ việc có vai trò của cấp uỷ cơ sở và đảng viên ở phía sau làm hậu thuẫn. Có nơi trình độ của đội ngũ cán bộ chủ chốt non yếu, cục bộ, tư lợi cá nhân.

Để nhanh chóng ổn định tình hình, Tỉnh uỷ chỉ đạo Uỷ ban nhân dân tỉnh tập trung giải quyết dứt điểm những vụ việc phức tạp, khiếu kiện đông người, kéo dài, có lý, có tình; đồng thời xử lý nghiêm những cán bộ sai phạm và các phần tử quá khích. Năm 1991, 1992 do việc tranh chấp đất đai đã xảy ra điểm nóng ở xã Đồng Hóa. Đảng bộ huyện Kim Bảng đã tập trung các lực lượng công an, quân đội... giải quyết nhanh gọn. Sau đó, xã liên tục là lá cờ

---

(1). Việc tranh chấp 11 mẫu ruộng giữa thôn Bói Kênh, hợp tác xã Hoà Bình với hợp tác xã Quế Sơn, xã An Lão, huyện Bình Lục; tranh chấp đất giữa thôn Lạc Nhuế, xã Đồng Hoá đòi lại 63 mẫu ruộng trước đây đã chuyển giao cho hợp tác xã Tân Sơn và tranh chấp ở một số xã khác thuộc huyện Kim Bảng; tranh chấp ruộng đất giữa thôn Thanh Nga và thôn Lý Nội ở hợp tác xã nông nghiệp Nhân Phú, xã Phú Phúc, huyện Lý Nhân. Vụ gây rối trật tự tại Đại hội Đảng bộ xã Đại Cương, huyện Kim Bảng ngày 7-12-1991. Toàn tỉnh có 41 nơi đòi lại đất đai, nơi thờ tự.

đầu của huyện<sup>(1)</sup>. Nhờ vậy, số vụ tranh chấp ở các địa phương, tình trạng khiếu nại, tố cáo bức xúc giảm dần.

Thực hiện Chỉ thị số 15-CT/TW, ngày 20-11-1992 của Bộ Chính trị và Quyết định số 114-QĐ/TTg, ngày 21-11-1992 của Thủ tướng Chính phủ về *Ngăn ngừa và bài trừ tệ tham nhũng, buôn lậu*. Ngày 28-12-1992, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 04-CT/TU về *Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp uỷ Đảng trong việc ngăn chặn, bài trừ tệ tham nhũng, buôn lậu và làm tốt đợt tự phê bình và phê bình*. Mặc dù đã có nhiều cố gắng nhưng kết quả không đồng đều giữa các cấp, các ngành, các cơ quan, đơn vị; sự chỉ đạo và kiểm tra của các cấp uỷ Đảng chưa thường xuyên, kiên quyết và triệt để, kết quả cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu trên địa bàn tỉnh chưa cao. Để đẩy mạnh cuộc đấu tranh ngăn chặn và bài trừ tệ tham nhũng, buôn lậu, ngày 10-7-1993, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ban hành Chỉ thị mới về *Tiếp tục thực hiện tốt cuộc đấu tranh chống tệ tham nhũng và buôn lậu*. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ yêu cầu: “Phải thường xuyên quán triệt nâng cao nhận thức cho các cấp uỷ Đảng và cán bộ, đảng viên chủ động tự giác và gương mẫu thực hiện trong việc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu, các cấp uỷ Đảng phải coi công tác lãnh đạo, chống tham nhũng buôn lậu là một việc làm thường xuyên... Phải gắn chặt cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu với việc thực hiện Nghị quyết

---

(1). *Điểm nóng ở xã Đông Hóa đã được viết thành tác phẩm văn học Đất và Người của nhà văn Nguyễn Khắc Trương, sau này chuyển thành phim Làng Nhỏ.*

Trung ương 3 (khoá VII) và nhiệm vụ chính trị của địa phương, đơn vị”. Thực hiện các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương Đảng và Tỉnh uỷ, cuộc đấu tranh chống tham nhũng, buôn lậu được triển khai từ tỉnh đến cơ sở và có sự chuyển biến tích cực. Các cơ quan chức năng tập trung rà soát những việc quan trọng như cấp phát ngân sách, quản lý đất đai, xây dựng cơ bản, hợp đồng kinh tế. Năm 1993, toàn tỉnh phát hiện, khởi tố 28 vụ tham nhũng, thu hồi về cho Nhà nước 333 triệu đồng và 11 tấn thóc. Phát hiện và bắt giữ 22 vụ buôn bán hàng cấm, 22 vụ làm hàng giả, 4.193 vụ kinh doanh trái phép và 1.463 vụ buôn bán trốn thuế... Tuy nhiên, tham nhũng, buôn lậu, trốn thuế vẫn là những vấn đề bức xúc cần được tiếp tục xử lý.

Các cơ quan bảo vệ pháp luật hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của mình, góp phần vào việc xây dựng kỷ cương: “sống làm việc theo Hiến pháp và pháp luật”, mối quan hệ công tác chặt chẽ, hiệu quả hơn, nhất là sự phối hợp giữa các ngành trong công tác thanh tra, kiểm tra, điều tra, kiểm sát, truy tố xét xử, thi hành án được kịp thời, đúng pháp luật nên tình hình trật tự xã hội được ổn định, pháp chế xã hội chủ nghĩa được giữ vững.

Mười năm thực hiện đường lối đổi mới của Đảng (1986-1996), nhất là 5 năm tái lập tỉnh (1992-1996) trong hoàn cảnh đất nước trải qua muôn vàn khó khăn, song Đảng bộ, quân và dân Nam Hà đã vận dụng sáng tạo Nghị quyết Đại hội Đảng toàn quốc lần thứ VII và các Nghị quyết của Trung ương đề ra chủ trương, mục tiêu phấn đấu sát đúng, tạo sự thống nhất trong Đảng bộ, phù hợp với lòng dân,



khơi dậy nhiều phong trào sản xuất trong các tầng lớp nhân dân, tạo ra sức mạnh tổng hợp, thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng và xây dựng hệ thống chính trị vững mạnh.

Kinh tế phát triển tương đối toàn diện và đạt mức tăng trưởng khá, tổng sản phẩm GDP tăng 7,7%/năm (chỉ tiêu Đại hội 4,5%). Giá trị sản lượng nông nghiệp tăng 8%/năm (chỉ tiêu Đại hội 4-4,2%). Giá trị sản lượng công nghiệp trên địa bàn tăng 5%/năm (chỉ tiêu Đại hội 4-5%), cơ chế kinh tế mới được khẳng định và đem lại hiệu quả rõ rệt. Nhiều công trình quan trọng được xây dựng và đưa vào sử dụng phục vụ đắc lực cho sự nghiệp phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Văn hoá, xã hội có chuyển biến tích cực. Công tác quốc phòng được củng cố, an ninh chính trị được giữ vững, trật tự an toàn xã hội có tiến bộ. Công tác xây dựng Đảng, chính quyền, mặt trận và các đoàn thể nhân dân từng bước được đổi mới. Đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp nhân dân được cải thiện.

Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế của tỉnh vẫn còn những yếu kém, khuyết điểm: Tiềm năng, thế mạnh chưa được khai thác có hiệu quả, sản xuất vật liệu xây dựng, công nghiệp dệt may và chế biến nông sản chưa trở thành ngành công nghiệp mũi nhọn. Hiệu quả sản xuất kinh doanh thấp. Cơ cấu kinh tế chuyển biến chậm, công nghiệp và xây dựng mới chiếm 19% GDP. Việc phát triển kinh tế hàng hoá còn chậm. Tỷ lệ lao động chưa có và thiếu việc làm khá lớn. Các dịch vụ về y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao chưa đáp ứng yêu cầu. Một bộ phận nhân

dân chưa vượt qua đói nghèo, tệ nạn xã hội chưa được đẩy lùi. Công tác cán bộ còn nhiều bất cập; một số cán bộ, đảng viên giảm sút ý chí chiến đấu, không đáp ứng được yêu cầu của sự nghiệp đổi mới. Đảng bộ và nhân dân trong tỉnh cần nỗ lực hơn nữa để bước vào thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

*PHẦN THỨ SÁU*

**ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ NAM BƯỚC VÀO  
THỜI KỲ LÃNH ĐẠO ĐẨY MẠNH SỰ  
NGHIỆP CÔNG NGHIỆP HOÁ,  
HIỆN ĐẠI HOÁ (1996-2005)**

*CHƯƠNG XIV*

**ĐẢNG BỘ TỈNH HÀ NAM TÁI LẬP, LÃNH ĐẠO  
TẠO THỂ VÀ LỰC MỚI (1996 - 2000)**

**I. NHANH CHÓNG ỔN ĐỊNH TỔ CHỨC, THỰC HIỆN  
CÁC NHIỆM VỤ CHÍNH TRỊ TRỌNG TÂM TRONG NĂM  
ĐẦU SAU KHI TÁI LẬP TỈNH**

Sau 10 năm thực hiện công cuộc đổi mới toàn diện đất nước do Đảng ta khởi xướng và lãnh đạo, nước ta đã ra khỏi khủng hoảng kinh tế - xã hội, chuyển sang thời kỳ mới: Đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Thế và lực của nước ta không ngừng được nâng cao, có uy tín trên trường quốc tế. Nhưng các thế lực thù địch ngày càng gia tăng chống phá công cuộc đổi mới ở nước ta, cuộc đấu tranh chống “diễn biến hoà bình” ngày càng phức tạp, đa dạng hơn.

Trong bối cảnh đất nước và quốc tế có những diễn biến phức tạp, để phù hợp với yêu cầu giai đoạn cách mạng mới, ngày 06-11-1996, tại Kỳ họp thứ 10, Quốc hội khoá IX đã ra Nghị quyết chia tỉnh Nam Hà thành 2 tỉnh Hà Nam và Nam Định.

Thực hiện Nghị quyết của Quốc hội, ngày 22-11-1996, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Hà đã họp ra Nghị quyết số 02-NQ/TU Về lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện chia địa giới hành chính tỉnh Hà Nam và Nam Định. Ngày 02-12-1996, Hội nghị Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Nam Hà đã họp đề ra phương án nhân sự Ban Chấp hành, Ban Thường vụ, các chức danh Bí thư, Phó Bí thư, Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Chủ tịch Uỷ ban nhân dân và các Phó Chủ tịch Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân 2 tỉnh Nam Định và Hà Nam, trình Hội nghị Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh Nam Hà và báo cáo về Ban Tổ chức Trung ương. Ban Chấp hành lâm thời tỉnh Hà Nam gồm 10 đồng chí, đồng chí Lê Văn Yên được chỉ định là Bí thư. 27

Tỉnh Hà Nam được tái lập về cơ bản dựa trên cơ sở hiện trạng vị trí địa lý, địa giới hành chính của tỉnh Hà Nam thời điểm hợp nhất thành lập tỉnh Nam Hà (tháng 4-1965). Riêng huyện Bình Lục cắt 7 xã của huyện Mỹ Lộc cũ chuyển về Nam Định, đến ngày 25-12-1997, 2 tỉnh tổ chức giao nhận xong các đơn vị trực thuộc. Diện tích tự nhiên của tỉnh Hà Nam là 838,91 km<sup>2</sup>, trong đó đất đang sử dụng sản xuất nông nghiệp là 52.284,7 ha, đất sử dụng vào lâm nghiệp là 396 ha. Tỉnh có 6 đơn vị hành chính cấp huyện, thị xã là các huyện: Duy Tiên, Bình Lục, Lý Nhân,

Thanh Liêm, Kim Bảng và thị xã Phủ Lý; 114 đơn vị cấp cơ sở gồm 104 xã, 4 phường, 6 thị trấn. Trung tâm của tỉnh đặt tại thị xã Phủ Lý. Dân số của tỉnh trên 81 vạn, mật độ dân số 950 người/km<sup>2</sup>. Toàn tỉnh có 384.300 lao động, trong đó 89,3% lao động nông nghiệp, dân số nông thôn chiếm chủ yếu số dân trong tỉnh.

Ngày 28-12-1996, tại thị xã Phủ Lý đã diễn ra Lễ đón Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân lâm thời tỉnh Hà Nam từ Nam Định về. Hàng vạn nhân dân các huyện Bình Lục, Thanh Liêm, thị xã Phủ Lý hân hoan chào đón các đoàn đại biểu khách mời và cán bộ các cơ quan tỉnh Hà Nam. Ngày 01-01-1997, các cơ quan của tỉnh Hà Nam chính thức hoạt động theo đơn vị hành chính mới. Riêng ngành bưu điện chia tách muộn, ngày 01-7, Bưu điện tỉnh Hà Nam mới tiến hành trọng thể lễ khai trương hoạt động theo tinh thần Quyết định 347 của Tổng cục Bưu điện.

Sau 32 năm hợp nhất với tỉnh Nam Định và Ninh Bình, tỉnh Hà Nam được tái lập là sự kiện chính trị quan trọng đối với Đảng bộ, quân và dân trong tỉnh, mở ra thời kỳ phát triển mới của tỉnh Hà Nam.

Bước vào xây dựng tỉnh mới tái lập, Hà Nam có một số thuận lợi cơ bản. Về vị trí địa lý, Hà Nam ở phía Nam thủ đô Hà Nội, có trục đường giao thông Bắc - Nam chạy qua, thuận lợi cho phát triển kinh tế - xã hội, mở rộng giao lưu, hợp tác với các vùng, các trung tâm kinh tế lớn của đất nước.

Địa hình của tỉnh đa dạng, có đồng bằng, bãi bồi, đồi núi, thuận tiện cho phát triển sản xuất nông nghiệp với

nhiều loại sản phẩm. Tài nguyên tương đối phong phú, đặc biệt là đá vôi và đất sét, với trữ lượng hàng tỷ m<sup>3</sup> là điều kiện thuận lợi để phát triển công nghiệp sản xuất vật liệu xây dựng. Các điểm du lịch của Hà Nam tuy quy mô nhỏ, phân tán nhưng đa dạng, tạo ra tiềm năng phát triển du lịch, góp phần phát triển kinh tế - xã hội trong tương lai gần.

Sau mười năm đổi mới, đời sống vật chất, tinh thần của các tầng lớp nhân dân trong tỉnh đã được nâng lên, tình hình an ninh chính trị được giữ vững là những thuận lợi để Hà Nam cùng với cả nước thực hiện thắng lợi sự nghiệp công nghiệp hoá, hiện đại hoá vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh.

Bên cạnh những thuận lợi, tỉnh còn nhiều khó khăn. Hà Nam là tỉnh thuần nông, địa bàn vùng đồng chiêm trũng đã được cải tạo nhưng phụ thuộc nhiều vào các công trình thủy lợi. Công nghiệp địa phương lạc hậu, nhỏ bé, nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh thua lỗ chưa tìm được hướng đi, tiểu thủ công nghiệp sa sút. Thương mại, xuất khẩu, du lịch, dịch vụ chưa phát triển, thương nghiệp quốc doanh ngày càng thu hẹp, chiếm 21% tổng mức bán lẻ xã hội, không điều tiết chi phối được thị trường. Xuất khẩu hàng hóa manh mún mang tính chất thu gom, không có mặt hàng mũi nhọn. Xuất phát điểm về kinh tế rất thấp. Kết cấu hạ tầng của thị xã Phủ Lý - trung tâm chính trị - văn hoá của tỉnh bị chiến tranh tàn phá và chưa được đầu tư xây dựng, các công trình dân sinh như điện, nước, đường giao thông và các công trình phúc lợi hầu như không

đáng kể. Nguồn thu ngân sách rất hạn hẹp, chưa có nguồn thu chủ lực. Trang thiết bị phục vụ sự nghiệp y tế, giáo dục thiếu thốn.

Khó khăn lớn nhất là khi tách tỉnh, lực lượng cán bộ từ tỉnh Nam Hà chuyển về vừa thiếu về số lượng, vừa mất cân đối về cơ cấu. So với tổng số cán bộ từng khu vực ở tỉnh Nam Hà cũ, số cán bộ chuyển về Hà Nam chiếm tỷ lệ rất thấp: cán bộ chuyên môn nghiệp vụ và khoa học kỹ thuật ở khu vực quản lý Nhà nước của các sở, ngành có 180 người, chiếm 17,81%; khu vực sự nghiệp có 330 người, chiếm 23,12%; khu vực hành chính sự nghiệp có 510 người, chiếm 20,9%, có nhiều cơ quan, ban, ngành, đoàn thể không đủ người làm việc, không có cán bộ chủ chốt, đội ngũ cán bộ không có tính kế thừa; trong các ngành kinh tế kỹ thuật thiếu cán bộ khoa học, cán bộ quản lý có kinh nghiệm. Các cơ quan của tỉnh chưa có công sở, phải thuê mượn địa điểm để làm việc. Đời sống, sinh hoạt của đội ngũ cán bộ, công nhân, viên chức mới chuyển về gặp nhiều khó khăn, chưa có nhà ở, một số phải đi về Nam Định hằng ngày.

Nhận thức rõ những thuận lợi, khó khăn của tỉnh mới tái lập, kế thừa và phát huy thành quả 32 năm hợp nhất với Nam Định và Ninh Bình, trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh chú trọng khơi dậy truyền thống cách mạng, niềm tự hào quê hương, ý thức trách nhiệm trước yêu cầu phát triển, tập trung khai thác tiềm năng, thế mạnh, khắc phục khó khăn, phấn đấu xây dựng tỉnh phát triển, đáp ứng niềm mong mỏi của nhân dân.

Đảng bộ đã tập trung khắc phục một số khó khăn chủ yếu của tỉnh mới chia tách, nhanh chóng ổn định tổ chức bộ máy cán bộ Đảng, chính quyền, đoàn thể trong tỉnh sớm đi vào hoạt động bình thường. Tổ chức bộ máy là khâu then chốt, quyết định vai trò lãnh đạo của Đảng bộ đối với sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Ngay khi tỉnh Hà Nam được thành lập lại, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ lâm thời đã ra Chỉ thị số 01-CT/TU, ngày 06-01-1997 về việc ổn định tổ chức cán bộ đảm bảo sự hoạt động của các cơ quan Đảng, đoàn thể trong thời gian trước mắt nhằm nhanh chóng khắc phục tình trạng tổ chức cán bộ khi chia tách vừa yếu vừa thiếu. Khi nhận bàn giao có tới 26 sở, ban, ngành, đoàn thể không có lãnh đạo cấp trưởng và phó; một số cơ quan chỉ có 3 đến 4 cán bộ chuyển về. Chỉ thị số 01-CT/TU được triển khai hết sức khẩn trương, đến tháng 9-1997, toàn tỉnh đã nhanh chóng bố trí sắp xếp ổn định 56 đầu mối các cơ quan trực thuộc. Đề bạt bổ nhiệm 91 đồng chí lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể; điều động 39 đồng chí huyện uỷ viên các huyện tăng cường cho tỉnh. Bước đầu đội ngũ cán bộ được kiện toàn, đáp ứng yêu cầu lãnh đạo xây dựng và phát triển kinh tế - xã hội tỉnh Hà Nam trong thời kỳ mới, thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá.

Đảng bộ chỉ đạo khẩn trương xây dựng, cải tạo, sửa chữa hàng chục ngàn mét vuông trụ sở làm việc, hỗ trợ các cơ quan mua sắm trang thiết bị cần thiết tối thiểu cho cán bộ làm việc với tổng kinh phí trên 3 tỷ đồng. Tỉnh từng bước quan tâm giải quyết nơi ăn, nghỉ tạm thời, tổ



chức phương tiện đi lại giảm bớt một phần khó khăn cho cán bộ từ Nam Định và các huyện chuyển về công tác ở tỉnh lỵ.

Ngày 12-01-1997, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh đã ra Nghị quyết số 01-NQ/TU về *Những nhiệm vụ trọng tâm trước mắt*. Nghị quyết đã chỉ ra những thuận lợi, khó khăn khi tách tỉnh và nhấn mạnh: Trong giai đoạn lịch sử này, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh không được chủ quan nóng vội, đồng thời cũng không bi quan, ngại khó, phải đoàn kết một lòng, đồng tâm hiệp lực, sáng tạo trong tư duy, mạnh dạn trong tổ chức thực hiện để làm tốt những nhiệm vụ mà Đảng bộ và nhân dân giao phó. Nghị quyết đề ra 11 nhiệm vụ trọng tâm bao gồm các lĩnh vực: phát triển kinh tế, văn hóa xã hội, an ninh quốc phòng và chuẩn bị điều kiện cho Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh. Trong đó có 2 nhiệm vụ được đưa lên hàng đầu. Thứ nhất: Đẩy mạnh các hoạt động phục vụ sản xuất nông nghiệp như tu bổ đê kè, làm thủy lợi nội đồng, nạo vét kênh mương, lật đất, gieo mạ kịp thời vụ..., phấn đấu giành vụ chiêm xuân thắng lợi với năng suất và tổng sản lượng cao nhất. Thứ hai: Phải giải quyết cơ bản nhu cầu về trụ sở làm việc của các cơ quan tỉnh và nơi ăn ở cho cán bộ công chức mới chuyển về, nhằm ổn định đời sống, tạo điều kiện cho cán bộ, công chức yên tâm công tác.

Thực hiện 11 nhiệm vụ trọng tâm của Nghị quyết, sau một năm làm việc theo tỉnh mới, với tinh thần tự lực, tự cường, nỗ lực phấn đấu, tăng cường đoàn kết, Đảng bộ tỉnh Hà Nam đã lãnh đạo nhân dân giành nhiều kết quả

dáng phấn khởi: kinh tế - xã hội đi dần vào ổn định và có bước phát triển mới, quốc phòng - an ninh được giữ vững.

Trong phát triển kinh tế, nhận thức đầy đủ vị trí, vai trò sản xuất nông nghiệp của tỉnh thuần nông, với 89,3% dân số ở khu vực nông thôn, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã tập trung chỉ đạo sản xuất nông nghiệp, nhằm tạo ra sự ổn định trong đời sống nhân dân. Đảng bộ đã chỉ đạo tiếp tục đưa tiến bộ khoa học - kỹ thuật vào sản xuất, thâm canh và chuyển đổi cơ cấu giống lúa, các giống có năng suất cao như Tạp giao, Khang dân, Ai 32 và các giống lúa Trung Quốc khác được đưa vào sản xuất chiếm 58,5%.

Sau một năm, sản xuất nông nghiệp đạt mức tăng trưởng khá và tương đối toàn diện, đặc biệt là sản xuất lương thực có tốc độ tăng nhanh, đạt đỉnh cao nhất so với trước đó cả về diện tích, năng suất, sản lượng. Giá trị tổng sản lượng nông nghiệp đạt 1.067.600 triệu đồng, tăng 10,7% so với năm 1996.

So với năm 1996, diện tích lúa gieo trồng cả năm đạt 73.633 ha, tăng 3,7%; năng suất lúa bình quân đạt 93,32 tạ/ha/năm, cao nhất so với trước đó, tăng 15,4%; sản lượng lương thực quy thóc toàn tỉnh đạt 371.436 tấn, đạt 103,2% kế hoạch, tăng 14%. Huyện Duy Tiên đạt 100,14 tạ/ha, Lý Nhân đạt xấp xỉ 100 tạ/ha. Toàn tỉnh, có 28 hợp tác xã đạt trên 100 tạ/ha. Cao nhất là hợp tác xã Mai Lương, huyện Bình Lục đạt 115,1 tạ/ha. Riêng diện tích gieo cấy vụ chiêm xuân toàn tỉnh đạt 36.637 ha, tăng 2,5% so với chiêm xuân năm 1996. Năng suất đạt 54,64 tạ/ha, tăng 3% so với vụ chiêm xuân năm 1996. Huyện Duy Tiên có năng suất vụ

chiêm xuân bình quân cao nhất tỉnh. Toàn tỉnh đã có 16 hợp tác xã đạt đỉnh cao về năng suất trên 60 tạ/ha là: Tiên Hiệp, Chuyên Ngoại, Hoà Mạc, Mộc Nam, Đọi Sơn, Tiên Hải, huyện Duy Tiên; Tân Lý, Chân Lý, Nhân Bình, huyện Lý Nhân; An Đổ, Mai Lương, Bối Cầu, Bình Minh, An Phú, huyện Bình Lục; Thanh Nguyên, Liêm Tiết, huyện Thanh Liêm. Sản lượng thóc đạt 200.213 tấn, tăng 5,5% so với chiêm xuân 1996. Thắng lợi vụ chiêm xuân năm 1997, khẳng định sự chuyển biến về chất trong sản xuất nông nghiệp của tỉnh Hà Nam, chứng tỏ trình độ thâm canh được nâng lên đồng đều giữa các huyện. Đồng thời, khẳng định việc đưa nhanh các tiến bộ khoa học, kỹ thuật, đưa giống lúa có năng suất cao vào sản xuất ở vụ chiêm xuân là đúng hướng.

Vụ mùa, toàn tỉnh cấy được 36.996 ha, tăng 0,3% so với vụ mùa năm 1996 và tăng 1,5% so với vụ mùa 1995. Đầu vụ có nhiều trận mưa lớn, đặc biệt tập trung từ ngày 21-7 đến cuối tháng 7 làm cho nước nội đồng dâng cao, trong khi đó nước đầu nguồn đổ về đưa mức nước sông Hồng lên gần báo động 3, sông Đáy, sông Nhuệ lên trên báo động 3, khả năng tiêu úng chậm. Tính đến ngày 28-7-1996, có 6.944 ha, chiếm 19% diện tích lúa bị ngập úng. Ủy ban nhân dân tỉnh, Ban Chỉ huy phòng chống bão lụt tỉnh đã gửi công điện cho Ủy ban nhân dân các huyện, thị xã và các ngành tổ chức, chỉ đạo, kiểm tra việc phòng chống bão, lũ, úng đảm bảo an toàn cho người và tài sản khi có tình huống xấu xảy ra. Riêng các trạm bơm điện hoạt động tiêu úng bình thường. Nhờ đó, năng suất lúa vẫn tăng, năng suất bình quân toàn tỉnh đạt 38,68 tạ/ha,

tăng 38,2% so với vụ mùa 1996, gần bằng năng suất năm 1993 (41,62 tạ/ha), năm có năng suất cao nhất.

Lương thực bình quân đầu người từ 402 kg năm 1996 lên 451 kg năm 1997, đời sống nhân dân được ổn định, bước đầu có lương thực hàng hoá, đã bán ra ngoài tỉnh 2,2 vạn tấn và xuất khẩu được 1 vạn tấn.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm từng bước chuyển dịch sang sản xuất hàng hoá. Đàn lợn tăng 7,3% so với năm 1996. Đàn trâu bò giữ vững, đàn gia cầm phát triển mạnh, đặc biệt các giống nhập nội có năng suất cao, phẩm chất tốt. Trên 70% diện tích mặt nước ao, hồ, đầm được tận dụng để nuôi, trồng thủy sản đạt hiệu quả tốt. Đàn gia cầm đạt 1.966.000 con, số lượng tăng không nhiều nhưng sản lượng thịt xuất ra thị trường tăng 26,6% so với năm 1996.

Sản xuất lâm nghiệp có nhiều chuyển biến tích cực. Ngày 31-01-1997, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Chỉ thị số 04-CT/UB, *Về việc phát động tết trồng cây và đẩy mạnh trồng cây gây rừng năm 1997*. Chỉ thị đề ra chỉ tiêu năm 1997 phải trồng được 1,6 triệu cây phân tán, chủ yếu là cây ăn quả. Thực hiện Chỉ thị, các huyện, thị xã, cơ quan trong tỉnh đã xây dựng kế hoạch và tổ chức trồng cây vào dịp đầu xuân. Điển hình là Tỉnh đoàn và huyện Kim Bảng đã phát động tết trồng cây và xây dựng trang trại trẻ tại xã Thi Sơn, huyện Kim Bảng, đồng thời hỗ trợ các huyện 7.000 cây các loại. Toàn tỉnh thực hiện có hiệu quả các chương trình 327/CP và 773/CP của Chính phủ, đất trồng được che phủ nhanh, kết hợp trồng cây phân tán gắn với trồng rừng

đạt 1,5 triệu cây các loại, trồng gần 10 nghìn khóm tre chắn sóng bảo vệ các tuyến đê. Huyện Duy Tiên có số cây trồng phân tán cao nhất được gần 400 nghìn cây. Lực lượng kiểm lâm làm tốt công tác kiểm tra và bảo vệ rừng, xử lý nghiêm nhiều vụ vận chuyển buôn bán lâm sản quý hiếm và động vật hoang dã.

Sản xuất nông nghiệp của tỉnh Hà Nam phụ thuộc nhiều vào thủy lợi, do đó công tác thủy lợi, phòng chống lụt bão được các cấp uỷ Đảng, chính quyền rất quan tâm. Ngày 11-01-1997, Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã phát động chiến dịch đắp đê Đại Hà tại 2 huyện Lý Nhân và Duy Tiên, nhằm khắc phục hậu quả do mưa, bão, lũ năm 1996 gây ra. Chiến dịch đã huy động hàng vạn nông dân và lực lượng dự bị động viên của 6 huyện, thị tham gia như một công trường lớn. Tổ chức làm thủy lợi nội đồng, nạo vét kênh mương sẵn sàng đối phó với thiên tai, phục vụ sản xuất nông nghiệp và an toàn dân sinh, kinh tế, với tổng khối lượng đào đắp là 2.503.020m<sup>3</sup>. Trong năm, đã hoàn thành xây dựng trạm bơm Đinh Xá, huyện Bình Lục, triển khai xây dựng trạm bơm Yên Lệnh, huyện Duy Tiên, trạm bơm Triệu Xá, huyện Thanh Liêm, tích cực chuẩn bị xây dựng trạm bơm Hữu Bị II, huyện Lý Nhân, trạm bơm Võ Giang và một số dự án thủy lợi khác, phục vụ tưới tiêu kịp thời cho đồng ruộng.

Giao thông vận tải có bước phát triển mạnh, nhất là xây dựng và cải tạo đường giao thông nông thôn. Đảng bộ xác định: Xây dựng mạng lưới giao thông nông thôn là góp phần phục vụ yêu cầu phát triển kinh tế - xã hội, giữ gìn an ninh chính trị, củng cố quốc phòng, đáp ứng yêu

câu đổi mới, chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước. Ngày 12-3-1997, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 04-CT/TU *Về việc tiếp tục đẩy mạnh xây dựng đường giao thông nông thôn* trong 2 năm (1997-1998). Ban Thường vụ Tỉnh uỷ yêu cầu các cấp uỷ đảng, chính quyền, các sở, ban, ngành, đoàn thể từ tỉnh đến cơ sở lãnh đạo, vận động nhân dân tập trung nhân tài, vật lực, hoàn chỉnh hệ thống giao thông nông thôn trong 2 năm (1997-1998). Các cấp chính quyền từ huyện đến thôn xóm căn cứ vào Nghị quyết của cấp uỷ địa phương xây dựng kế hoạch triển khai làm đường giao thông nông thôn theo phương châm “dân biết, dân bàn, dân làm, dân kiểm tra, dân quản lý, dân sử dụng”.

Ngày 13-3-1997, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã ra Quyết định số 127/QĐ-UB thành lập Ban chỉ đạo xây dựng đường giao thông nông thôn tỉnh Hà Nam do đồng chí Chủ tịch Uỷ ban nhân dân tỉnh làm Trưởng ban. Ban chỉ đạo đã lập kế hoạch và đề ra biện pháp cụ thể thực hiện Chỉ thị số 04 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ. Sở Giao thông - Vận tải đã hướng dẫn và giúp các đơn vị cơ sở xây dựng quy hoạch giao thông, quản lý chặt chẽ các chỉ tiêu kinh tế, kỹ thuật của từng loại đường, cấp đường. Ngày 26-3-1997, tại thị xã Phủ Lý, Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân tỉnh đã long trọng phát động đợt thi đua toàn tỉnh ra quân làm đường giao thông nông thôn. Với nhận thức “Đường mở đến đâu, dân giàu đến đấy”, ngay sau lễ phát động, toàn tỉnh đã rầm rộ ra quân, làm đường giao thông nông thôn. Đến ngày 19-5-1997, sau 55 ngày đêm ra quân, toàn



*Trạm bơm Yên Lệnh, huyện Duy Tiên, công suất 75.000m<sup>3</sup>/h, khởi công xây dựng năm 1997*

tỉnh đã cải tạo, nâng cấp, làm mới được 413,4 km đường các loại, trong đó đường kiên cố nhựa và bê tông là 180,6 km, còn lại là mặt đường lát gạch, đá rậm cấp phối. Tổng số vốn huy động là 29.799 triệu đồng, trong đó nguồn vốn do nhân dân đóng góp là chính.

Qua phong trào làm đường giao thông nông thôn, đã xuất hiện nhiều xã, phường, thôn, xóm xuất sắc như thôn Phương Lâm - xã Đồng Hoá, xã Lê Hồ, huyện Kim Bảng; thôn Nguyễn - xã An Đổ, xã An Nội, huyện Bình Lục; thôn Đình Hậu - xã Thanh Thủy, xã Liêm Phong, huyện Thanh Liêm; xóm 11, thôn Lỗ Hà - xã Chuyên Ngoại, xã Yên Bắc, huyện Duy Tiên; tổ 3 - phường Hai Bà Trưng, xã Liêm Chính, thị xã Phủ Lý.

Kết quả trên có sự đóng góp rất quan trọng của Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Hà Nam. Hầu hết các xã đoàn có đội tuyên truyền thanh niên, nhiều tổ xung kích thanh niên làm đường giao thông được thành lập, 456/1.250 chi đoàn khối nông thôn có công trình thanh niên làm đường giao thông nông thôn. Thanh niên đã thể hiện được vai trò xung kích của thế hệ trẻ đảm đương những việc khó, nặng nhọc với tinh thần trách nhiệm cao. Trong đợt đầu, riêng khối lượng đất đá do 35.000 lao động thanh niên san lấp là 210.000m<sup>3</sup>.

Tính chung cả năm 1997, toàn tỉnh đã nâng cấp 1.463 km đường các loại, đạt 134% kế hoạch với tổng số vốn 105 tỷ đồng, trong đó vốn Nhà nước cấp 3 tỷ đồng. Ngoài ra tỉnh chủ trương xây dựng hệ thống cầu lớn phục vụ phát



triển kinh tế - xã hội, trong năm 1997, đẩy mạnh tiến độ xây dựng và đã khánh thành cầu Hồng Phú<sup>(1)</sup>, nâng cấp cầu Phù Vân. Lập dự án xin đầu tư xây dựng cầu Phủ Lý qua sông Đáy nối thị xã với xã Châu Sơn, huyện Kim Bảng và đề nghị các bộ, ngành Trung ương chỉ đạo các cơ quan chức năng lập dự án xây dựng cầu Yên Lệnh qua sông Hồng đi tỉnh Hưng Yên. Với thành tích đó, Hà Nam là tỉnh dẫn đầu cả nước về phong trào làm đường giao thông nông thôn và được Chủ tịch nước tặng cờ luân lưu.

Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, điện lực, bưu điện bước đầu đạt được một số kết quả, tạo tiền đề phát triển trong những năm tiếp theo.

Tỉnh uỷ quan tâm chỉ đạo phát triển một số sản phẩm công nghiệp hiện có như khai thác đá, sản xuất xi măng, gạch ngói, vôi và các sản phẩm công nghiệp khác. Sản xuất tiểu thủ công nghiệp, làng nghề truyền thống ở các địa phương trong tỉnh được giữ vững, một số nơi có bước phát triển tốt. Một số doanh nghiệp lớn của tỉnh được quan tâm chỉ đạo.

Giá trị sản xuất công nghiệp năm 1997 đạt 315,8 tỷ đồng, tăng 9,2% so với năm 1996. Trong đó, so với năm

---

(1). Cầu Hồng Phú nối địa phận thị xã Phủ Lý với huyện Kim Bảng, được khởi công xây dựng ngày 24-12-1994. Cầu dài 172m, rộng 10m. Ngày 26-1-1997, lễ khánh thành cầu Hồng Phú diễn ra trong không khí vui mừng, phấn khởi của cán bộ và nhân dân trong tỉnh, đặc biệt là thị xã Phủ Lý và huyện Kim Bảng. Cầu Hồng Phú hoàn thành đưa vào sử dụng góp phần mở rộng giao lưu kinh tế với các tỉnh bạn, tạo điều kiện phát triển kinh tế trong vùng.

1996, công nghiệp Trung ương đạt 22,8 tỷ đồng, tăng 16%; công nghiệp địa phương đạt 293 tỷ đồng, tăng 8,7%; công nghiệp quốc doanh đạt 87,5 tỷ đồng, tăng 18,2%; công nghiệp ngoài quốc doanh đạt 228,3 tỷ đồng, tăng 6%.

Khu vực kinh tế ngoài quốc doanh gồm các công ty trách nhiệm hữu hạn, công ty cổ phần, các tổ hợp, các hộ kinh doanh cá thể, hoạt động theo cơ chế thị trường có sự quản lý của Nhà nước đã góp phần quan trọng trong phục vụ nhu cầu của xã hội, đóng góp một phần đáng kể vào nguồn ngân sách Nhà nước. Tuy nhiên, vẫn còn một số cơ sở kinh doanh không đúng pháp luật, làm hàng giả, trốn lậu thuế, buôn bán trái phép. Việc quản lý kinh doanh thiếu chặt chẽ. Nhằm khắc phục tình trạng đó, ngày 15-02-1997, Ủy ban nhân dân tỉnh ra Chỉ thị số 05/CT-UB *Về tăng cường công tác quản lý các cơ sở sản xuất kinh doanh và dịch vụ ngoài quốc doanh*. Chỉ thị yêu cầu các cơ quan chức năng cần tuyên truyền để mọi hộ, mọi cơ sở sản xuất kinh doanh, dịch vụ hiểu và tự giác thực hiện việc kê khai, đăng ký kinh doanh, đăng ký chất lượng sản phẩm hàng hoá và nộp thuế cho Nhà nước. Các cấp chính quyền tăng cường quản lý, chấm dứt tình trạng các hộ sản xuất kinh doanh không có đăng ký, không được cấp phép, lực lượng quản lý thị trường, thuế thường xuyên kiểm tra, kiểm soát việc chấp hành chính sách pháp luật của các hộ sản xuất kinh doanh ngoài quốc doanh. Những trường hợp vi phạm cần xử lý nghiêm minh theo pháp luật.

Trong quá trình phát triển nền kinh tế nhiều thành phần, Trung ương Đảng quan tâm nhiều đến loại hình doanh

ng nghiệp do đảng viên làm chủ. Thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương, tháng 9-1997, Ban Kinh tế Tỉnh uỷ và Ban Tổ chức Tỉnh uỷ triển khai khảo sát tình hình những đảng viên là chủ các doanh nghiệp, các công ty trách nhiệm hữu hạn, các công ty cổ phần tư nhân trên địa bàn tỉnh. Qua khảo sát, toàn tỉnh có 45 doanh nghiệp, trong đó có 7 doanh nghiệp có đảng viên là chủ: huyện Bình Lục có 3, huyện Duy Tiên 2, huyện Lý Nhân 1, huyện Thanh Liêm 1 doanh nghiệp. Các đồng chí đảng viên là chủ các doanh nghiệp đều đã từng công tác trong biên chế Nhà nước, sau khi về hưu hoặc mất sức, đã đứng ra tổ chức sản xuất kinh doanh, vẫn sinh hoạt Đảng tại địa phương nơi đóng trụ sở của doanh nghiệp. Nhìn chung quy mô doanh nghiệp nhỏ, trình độ quản lý và tiếp thị chưa có hoặc yếu. Hầu hết dựa vào sản xuất thủ công và buôn bán thu gom gia công. Do thiếu vốn, thiếu kỹ thuật, thiếu cán bộ quản lý kinh doanh và thợ giỏi nên chưa thể tiến hành sản xuất lớn và kinh doanh tổng hợp. Hầu hết các cơ sở chưa thực hiện chế độ hợp đồng lao động, các chế độ bảo hiểm cho công nhân, viên chức trong doanh nghiệp. Hệ thống tổ chức, các đoàn thể trong doanh nghiệp hầu hết chưa được thành lập, hoặc thành lập nhưng chỉ là hình thức. Kết quả khảo sát tình hình doanh nghiệp có đảng viên là chủ của tỉnh Hà Nam là một thực tiễn giúp cho Trung ương nghiên cứu có những quyết sách về vấn đề đảng viên làm kinh tế.

Đầu tư xây dựng cơ bản được tăng cường, vốn đầu tư xây dựng cơ bản năm 1997, toàn tỉnh thực hiện 609 tỷ đồng, tăng 46,1% so với năm 1996. Trong đó vốn Trung

ương là 404,3 tỷ đồng, tăng 61%; vốn địa phương là 204,7 tỷ đồng, tăng 23,6%. Các công trình trọng điểm như trạm bơm Đình Xá, Triệu Xá, hệ thống cống xả và tiêu của trạm bơm Yên Lệnh, nâng cấp nhà máy nước Phủ Lý, cải tạo mạng lưới điện thị xã đã được đầu tư xây dựng và đầu tư chiều sâu một số doanh nghiệp lớn như bia NAGER, đá vôi Kiện Khê, công ty sản xuất hàng xuất khẩu Bắc Hà, sản xuất phân vi sinh. Đã triển khai xây dựng nhiều dự án phát triển sản xuất, kinh doanh, hàng chục dự án xây dựng cơ sở hạ tầng góp phần phát triển kinh tế - xã hội và trên 30 dự án về trụ sở làm việc của các cơ quan tỉnh, huyện, thị. Ngày 28-01-1997, Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ký Quyết định số 54/BXD-TCLĐ thành lập Doanh nghiệp Nhà nước Công ty xi măng Bút Sơn<sup>(1)</sup> trên cơ sở Ban Quản lý xây dựng công trình xi măng Bút Sơn. Đây là một doanh nghiệp lớn trên địa bàn tỉnh, đi vào sản xuất sẽ đóng góp quan trọng cho nguồn thu ngân sách của tỉnh. Để tăng cường sự lãnh đạo của Đảng, ngày 29-5-1997, Ban Thường vụ lâm thời Tỉnh uỷ Hà Nam ra Quyết định số 69-QĐ/TU chuyển Đảng bộ Công ty xi măng Bút Sơn trực thuộc Đảng bộ huyện Kim Bảng về trực thuộc Tỉnh uỷ.

Ngành thương mại mặc dù có nhiều khó khăn nhưng đã cố gắng phục vụ yêu cầu phát triển sản xuất và phục vụ

---

(1). Công ty xi măng Bút Sơn là một doanh nghiệp Nhà nước hoạt động kinh doanh, thành viên của Tổng Công ty xi măng Việt Nam và theo điều lệ riêng của Công ty do Hội đồng quản trị Tổng Công ty xi măng Việt Nam phê chuẩn. Nhiệm vụ của công ty là sản xuất kinh doanh xi măng, các sản phẩm từ xi măng và sản xuất kinh doanh vật liệu xây dựng khác. Công ty xi măng Bút Sơn chính thức đi vào hoạt động từ ngày 20-3-1997.

đời sống nhân dân. Nhiệm vụ xuất, nhập khẩu bước đầu được quan tâm, giá trị hàng xuất khẩu trong năm 1997 quy đổi ra ngoại tệ đạt 7,4 triệu USD. Trong đó xuất khẩu trực tiếp và uỷ thác đạt 6,2 triệu USD. Các mặt hàng xuất khẩu chủ yếu là may mặc, thêu ren, lụa tơ tằm, mây giang đan, lạc nhân, long nhãn, đay tơ, vải quả sậy khô và gạo.

Hoạt động tài chính trong điều kiện tỉnh mới chia tách chưa có nguồn thu chủ lực, nhiều nhu cầu chi lớn và bức xúc, ngành tài chính đã tích cực khai thác các nguồn thu, đảm bảo kịp thời chi thường xuyên và chi xây dựng kết cấu hạ tầng theo kế hoạch. Hệ thống ngân hàng, tín dụng đã tích cực huy động các nguồn vốn, đáp ứng yêu cầu sản xuất, kinh doanh và phát triển kinh tế - xã hội. Công tác huy động vốn và đầu tư tín dụng vào nền kinh tế trên địa bàn được quan tâm. Huy động vốn năm 1997 đạt 220 tỷ đồng, gấp 2,3 lần so với năm 1996. Đầu tư tín dụng đạt 679 tỷ đồng, gấp 1,75 lần so với năm 1996.

Hoạt động văn hoá - xã hội có bước chuyển biến tích cực, đời sống của nhân dân từng bước được cải thiện.

Quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2, Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII) về *Định hướng chiến lược phát triển giáo dục - đào tạo trong thời kỳ công nghiệp hoá, hiện đại hoá và nhiệm vụ đến năm 2000*, Đảng bộ nhận thức rõ Nghị quyết có ý nghĩa đặc biệt quan trọng đối với công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá trên đất nước ta trong giai đoạn mới. Đây là yếu tố quyết định để phát huy nguồn lực con người, là khâu đột phá để đưa đất

nước vươn tới mục tiêu dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, văn minh. Do đó, sự nghiệp giáo dục và đào tạo của tỉnh được đầu tư phát triển toàn diện ở các cấp học, ngành học. Cơ sở vật chất được nâng lên một bước. Công tác xã hội hoá giáo dục - đào tạo tiếp tục được đẩy mạnh. Ngành giáo dục bám sát mục tiêu nâng cao chất lượng hiệu quả giảng dạy, đẩy mạnh phong trào thi đua “Hai tốt” trong các nhà trường. Năm học 1996-1997, ngành được Bộ Giáo dục và Đào tạo tặng Bằng khen và là 1 trong 4 tỉnh dẫn đầu cả nước về huy động trẻ em đến trường. Trường trung học cơ sở Bắc Lý vẫn phát huy tốt truyền thống là “cái nôi” của phong trào thi đua “Hai tốt” và danh hiệu trường Anh hùng, thực hiện mục tiêu giáo dục - đào tạo của Đảng, được Nhà nước tặng thưởng Huân chương Độc lập hạng Ba. Các hình thức dạy nghề được quan tâm phát triển. Tổng số học sinh đến trường so với các năm trước đều tăng, năm học 1997-1998 tổng số học sinh phổ thông có 187.770 em, tăng 4,3% so với năm học 1996-1997. Tổng số học sinh mẫu giáo có 33.798 cháu, tăng 9,3% so với năm học 1996-1997. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp các cấp học đạt kết quả khá. Năm học 1996-1997 đội tuyển học sinh giỏi tham gia thi học sinh giỏi quốc gia có 13/20 em đạt giải, đạt tỷ lệ 65%.

Công tác bảo vệ, chăm sóc giáo dục trẻ em ngày càng được quan tâm hơn, có nhiều hoạt động đem lại hiệu quả thiết thực được nhân dân ghi nhận như tổ chức phẫu thuật miễn phí, đem lại nụ cười cho các em bị dị tật bẩm sinh, giúp đỡ nuôi dưỡng trẻ em tàn tật, mồ côi không nơi nương tựa ở huyện Kim Bảng, Bình Lục.

Sự nghiệp bảo vệ và chăm sóc sức khỏe nhân dân được quan tâm. Mạng lưới y tế trong toàn tỉnh được nâng cấp, tăng cường cơ sở vật chất, kỹ thuật cho khám chữa bệnh. Đến cuối năm 1997, toàn ngành y tế có 1.782 cán bộ từ tuyến tỉnh đến cơ sở, trong đó có 828 y, bác sĩ. Toàn tỉnh có 1.995 giường bệnh ở 144 cơ sở khám, chữa bệnh. Việc khám, chữa bệnh cho nhân dân có tiến bộ hơn, đã chú ý kết hợp y học dân tộc và y học hiện đại trong công tác phòng, chữa bệnh.

Công tác dân số, kế hoạch hoá gia đình có chuyển biến tích cực. Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên năm 1997 là 15,1%, giảm 0,7% so với năm 1996. Cơ sở vật chất được tăng cường, dự án về nâng cao chất lượng công tác kế hoạch hoá gia đình được triển khai ở hầu hết các xã trong toàn tỉnh và có kết quả tốt.

Thực hiện Chỉ thị số 09-CT/TW, ngày 14-12-1996 của Bộ Chính trị tiến tới kỷ niệm 50 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ (1947-1997), phát huy tốt hơn nữa công tác thương binh, liệt sĩ, ngày 05-3-1997, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 02-CT/TU *Về việc vận động kỷ niệm 50 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ*. Chỉ thị nhấn mạnh: phải thực hiện đầy đủ, kịp thời các chính sách đã quy định tại Pháp lệnh Người có công với cách mạng. Trợ giúp về vật chất, động viên về tinh thần đối với thương bệnh binh, gia đình liệt sĩ. Đẩy mạnh công tác chăm sóc và nhận phụng dưỡng các “Bà mẹ Việt Nam anh hùng”. Đẩy mạnh phong trào “Đền ơn đáp nghĩa” và xây dựng quỹ đền ơn đáp nghĩa trong toàn dân.

Tính đến đầu tháng 6-1997, toàn tỉnh đóng góp vào “Quỹ đền ơn đáp nghĩa” được 50 triệu đồng; 86/86 “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” còn sống trên địa bàn tỉnh đã được các cơ quan, đơn vị nhận phụng dưỡng chăm sóc đến hết đời. Các huyện Duy Tiên, Kim Bảng, Bình Lục, Thanh Liêm, thị xã Phủ Lý hoàn thành việc xóa nhà tranh cho các gia đình chính sách; tặng 949 sổ tiết kiệm tình nghĩa cho các hộ chính sách. Ngày 06-7-1997, Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh đã tổ chức cuộc gặp mặt các “Bà mẹ Việt Nam anh hùng” toàn tỉnh. Cuộc gặp mặt là một trong những hoạt động kỷ niệm thiết thực và cảm động nhất nhân dịp kỷ niệm 50 năm ngày Thương binh - Liệt sĩ. Trong dịp này, các nghĩa trang liệt sĩ đều được tu sửa khang trang. Các tổ chức quần chúng nhân dân tổ chức lễ viếng liệt sĩ với sự trang nghiêm, tôn kính có ý nghĩa giáo dục truyền thống sâu sắc. Tỉnh uỷ, Hội đồng nhân dân, Uỷ ban nhân dân, Uỷ ban Mặt trận Tổ quốc tỉnh tổ chức đoàn đại biểu tỉnh Hà Nam do đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ làm trưởng đoàn đi viếng Nghĩa trang liệt sĩ Trường Sơn.

Các cấp uỷ Đảng, chính quyền tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao nhận thức về công tác quốc phòng - an ninh, tạo sự chuyển biến về nhận thức và trách nhiệm trong cán bộ, đảng viên, các tầng lớp nhân dân đối với nhiệm vụ quốc phòng và an ninh trong tình hình mới. Các cấp uỷ đảng đã có nghị quyết chuyên đề để chỉ đạo công tác an ninh - quốc phòng.

Cơ quan quân sự chủ động tham mưu với cấp uỷ, chính quyền hoàn thành tốt nhiệm vụ quân sự địa phương.



Thường xuyên, chủ động phối hợp với các ban, ngành, đoàn thể, hoàn thành kế hoạch chuyển trạng thái sẵn sàng chiến đấu, kế hoạch bảo vệ an ninh chính trị, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa. Triển khai tổ chức có hiệu quả hai pháp lệnh: Dân quân - tự vệ và Dự bị động viên bảo đảm đúng kế hoạch. Coi trọng củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động cả 3 lực lượng: bộ đội thường trực, dân quân - tự vệ, dự bị động viên. Hoàn thành nhiệm vụ tuyển chọn, gọi thanh niên nhập ngũ năm 1997, bảo đảm số lượng, chất lượng, dân chủ, công khai, đúng luật, nhanh gọn, an toàn, tiết kiệm. Chủ động phối hợp cùng công an tham mưu với Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh chỉ đạo công tác quân sự địa phương và hoàn thành việc huấn luyện, hội thao, duy trì nghiêm túc chế độ sẵn sàng chiến đấu.

Lực lượng công an nhân dân thực hiện tốt nhiệm vụ bảo vệ an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội, chủ động tham mưu với cấp uỷ Đảng, chính quyền các cấp lãnh đạo thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết của Đảng, các chính sách pháp luật của Nhà nước. Phối hợp với các ngành liên quan làm tốt công tác tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức cảnh giác cho cán bộ, đảng viên, quần chúng nhân dân góp phần đấu tranh làm thất bại chiến lược “Diễn biến hoà bình” của các thế lực thù địch. Chủ động phòng ngừa, tích cực đấu tranh trấn áp tội phạm, bài trừ tệ nạn xã hội. Duy trì tốt phong trào quần chúng bảo vệ an ninh Tổ quốc, với những nội dung, hình thức phù hợp. Không ngừng nâng cao chất lượng các phong trào, chủ động giải quyết những vấn đề liên quan đến an ninh, trật

tự từ cơ sở. Coi trọng công tác xây dựng lực lượng công an nhân dân trong sạch, vững mạnh, từng bước tiến lên chính quy hiện đại, đáp ứng yêu cầu được giao.

Các lực lượng quân sự, công an và các ngành trong khối nội chính đã phối hợp chặt chẽ để thực hiện nhiệm vụ củng cố quốc phòng, giữ vững an ninh chính trị và trật tự an toàn xã hội.

Từ những kết quả đạt được trong các lĩnh vực kinh tế, văn hóa - xã hội, an ninh - quốc phòng, sau một năm tái lập tỉnh, đời sống của các tầng lớp nhân dân được nâng lên, điều kiện sinh hoạt như nhà ở, phương tiện nghe, nhìn, đi lại được cải thiện. Thu nhập đầu người năm 1997 đạt 160 nghìn đồng/tháng, tỷ lệ nhà ngói tăng từ 78,7% năm 1994, lên 92,1% năm 1997; nhà tranh tre giảm từ 21,3% năm 1994, xuống còn 7,9% năm 1997. Bình quân cứ 100 hộ gia đình năm 1997 có 48 hộ có ra-đi-ô, 54 hộ có ti vi, 10 hộ có xe máy. Tỷ lệ hộ đói nghèo giảm từ 14,2% năm 1995, xuống còn 12% năm 1997. Giá cả trên thị trường ít biến động, đời sống nhân dân ổn định.

Để nâng cao năng lực lãnh đạo toàn diện, Đảng bộ chú trọng xây dựng Đảng vững mạnh trên cả 3 mặt: chính trị, tư tưởng và tổ chức.

Khó khăn lớn đối với tỉnh sau khi được tái lập là tổ chức bộ máy và đội ngũ cán bộ vừa thiếu, vừa không đồng bộ. Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã lãnh đạo, chỉ đạo từng bước ổn định tổ chức bộ máy và sắp xếp cán bộ, đưa các hoạt động của tỉnh sớm đi vào nề nếp.

Cùng với việc kiện toàn bộ máy tổ chức các cơ quan đảng, đoàn thể, các ban cán sự Đảng, Đảng đoàn và cơ quan quản lý Nhà nước, hệ thống tổ chức Đảng cũng được Ban Thường vụ Tỉnh uỷ sắp xếp, tổ chức phù hợp với bộ máy mới; tăng cường sự lãnh đạo trực tiếp của Tỉnh uỷ trên các lĩnh vực kinh tế, văn hoá - xã hội, an ninh và quốc phòng.

Các cơ quan tham mưu đã giúp Ban Thường vụ Tỉnh uỷ hướng dẫn chỉ đạo tốt Đại hội Đảng bộ, chi bộ cơ sở và Đại hội các Đảng bộ cấp trên trực tiếp của tổ chức cơ sở theo đúng Hướng dẫn số 06-HD/TCTW, ngày 23-7-1997, của Ban Tổ chức Trung ương Đảng và Kế hoạch số 96-KH/TU, ngày 04-9-1997 của Ban Thường vụ Tỉnh uỷ.

Thông qua Đại hội cơ sở, cấp uỷ các đơn vị mới chia tách được kiện toàn, bổ sung đội ngũ cấp uỷ viên, tăng cường cả về số lượng, chất lượng từng bước đáp ứng yêu cầu của thời kỳ mới.

Các huyện, thị uỷ, đảng uỷ trực thuộc quan tâm chỉ đạo xây dựng tổ chức cơ sở Đảng vững mạnh, củng cố cơ sở yếu kém và tập trung xử lý, giải quyết những vụ việc phức tạp phát sinh.

Công tác phát triển Đảng vẫn được duy trì, các cấp uỷ Đảng quan tâm mở các lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức về Đảng. Năm 1997, toàn tỉnh kết nạp được 729 đảng viên, trong đó có 53% dưới 30 tuổi; 50,5% có trình độ trung học trở lên.

Sau hơn một năm hoạt động, hệ thống tổ chức bộ máy các cơ quan Đảng, đoàn thể, cơ quan Nhà nước đã căn

bản được sắp xếp và đi vào hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, phát huy được vai trò lãnh đạo, quản lý của mình.

Công tác tư tưởng được coi trọng, góp phần động viên cán bộ, đảng viên, lực lượng vũ trang và nhân dân thực hiện tốt chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước.

Các cấp uỷ Đảng đã chú trọng công tác tuyên truyền, giáo dục truyền thống và đạo đức cách mạng cho cán bộ, đảng viên và nhân dân, khơi dậy niềm tự hào, ý thức trách nhiệm đối với quê hương, ra sức thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ kinh tế - xã hội của tỉnh. Đặc biệt làm tốt đợt tuyên truyền bầu cử đại biểu Quốc hội khoá X và bầu bổ sung đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ (1994-1999). Đẩy mạnh các hình thức tuyên truyền, nhằm cung cấp những thông tin có định hướng cho cán bộ và nhân dân. Tổ chức cho cán bộ, đảng viên và đoàn thể quần chúng quán triệt Nghị quyết Hội nghị lần thứ 2, lần thứ 3 và lần thứ 4 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng (khoá VIII); chỉ đạo các ngành có liên quan xây dựng chương trình hành động cách mạng nhằm từng bước đưa Nghị quyết của Đảng vào cuộc sống. Bản tin *Thông báo nội bộ* được phát hành ngay trong tháng đầu khi tỉnh mới đi vào hoạt động, duy trì và từng bước nâng cao chất lượng phục vụ cho sinh hoạt chi bộ hàng tháng. Trường Chính trị tỉnh và Trung tâm Bồi dưỡng chính trị ở các huyện, thị duy trì việc mở lớp theo kế hoạch, góp phần đào tạo cán bộ cơ sở và nâng cao trình độ lý luận cho cán bộ, đảng viên.

Công tác kiểm tra hoạt động đúng chức năng, nhiệm vụ, quy định của Điều lệ Đảng và các hướng dẫn của Uỷ

ban Kiểm tra Trung ương, có nhiều cố gắng trong việc giải quyết các đơn, thư khiếu nại, tố cáo đối với cán bộ, đảng viên.

Trong năm 1997, Ủy ban Kiểm tra các cấp đã tiến hành kiểm tra 859 đảng viên, 83 tổ chức cơ sở đảng có dấu hiệu vi phạm, phát hiện 248 đảng viên, chiếm 28,8% và 28 tổ chức cơ sở đảng, chiếm 33,7% vi phạm kỷ luật Đảng. Đồng thời đã tiến hành xem xét, giải quyết đơn khiếu nại, tố cáo. Kết hợp chặt chẽ giữa kiểm tra, thanh tra với các ngành chức năng để tập trung giải quyết đơn, thư tố cáo và những nơi có vụ việc tiêu cực mới phát sinh. Tổ chức thực hiện tốt cuộc kiểm tra theo Kế hoạch số 01, ngày 09-01-1997 của Ủy ban Kiểm tra Trung ương. Năm 1997, đã xử lý kỷ luật 206 đảng viên, trong đó khiển trách 57, cảnh cáo 91, cách chức 28, khai trừ 30, đưa ra khỏi Đảng bằng hình thức cho rút, xoá tên 99 đảng viên, xử lý khiển trách 2 Ban Thường vụ Đảng uỷ phường, một chi uỷ chi bộ cơ sở.

Sau khi tái lập tỉnh, nội bộ Ban Thường vụ lâm thời đã để xảy ra mất đoàn kết, ảnh hưởng đến việc thực hiện nhiệm vụ chính trị của tỉnh. Bộ Chính trị chỉ đạo Tỉnh uỷ tiến hành kiểm điểm. Thực hiện Thông báo số 100-TB/TW, ngày 24-11-1997 của Bộ Chính trị, Ban Thường vụ, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh đã tiến hành kiểm điểm việc mất đoàn kết trong Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và kiểm điểm, phê bình đồng chí Bí thư và Phó Bí thư - Chủ tịch lâm thời Ủy ban nhân dân tỉnh. Việc kiểm điểm, xử lý kỷ luật đảm bảo dân chủ, đúng nguyên tắc, quy định của Điều lệ Đảng. Qua kiểm điểm, cho thấy việc xảy ra mất

đoàn kết trong Ban Thường vụ Tỉnh uỷ, trách nhiệm chính thuộc về đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ lâm thời, tiếp đến là đồng chí Phó Bí thư - Chủ tịch lâm thời Uỷ ban nhân dân tỉnh, đồng thời cũng là khuyết điểm của tập thể Ban Thường vụ, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh. Khi xảy ra mất đoàn kết, tập thể Ban Thường vụ, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh đã không đấu tranh phê bình và tự phê bình nghiêm túc, thẳng thắn để giúp nhau sửa chữa thiếu sót, khuyết điểm, làm cho tình hình mất đoàn kết ngày càng nghiêm trọng. Khuyết điểm làm cho tình trạng mất đoàn kết kéo dài là do lãnh đạo tập thể trong Ban Thường vụ xem nhẹ việc thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, nhất là trong công tác cán bộ. Trong Thường trực, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ và một số đồng chí Uỷ viên Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ có biểu hiện hữu khuynh, thiếu chân thành trong đấu tranh phê bình giúp nhau sửa chữa khuyết điểm. Một số đồng chí trong Tiểu ban địa điểm, Ban kiến thiết và một số cán bộ, đảng viên ở các cơ quan đơn vị có liên quan đến xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị của các cơ quan tỉnh, cũng mắc nhiều sai phạm, gây lãng phí, thất thoát tiền của Nhà nước.

Những khuyết điểm, tồn tại trên đã làm ảnh hưởng tới tư tưởng, tình cảm, lòng tin của cán bộ, đảng viên và nhân dân đối với sự lãnh đạo của Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh. Trách nhiệm này trước hết thuộc về Ban Thường vụ, Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh và ở mức độ khác nhau, từng đồng chí Uỷ viên Ban Thường vụ và Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh có một phần trách nhiệm. Kiểm

điểm đã có tác dụng giáo dục sâu sắc, kịp thời củng cố sự đoàn kết, thống nhất trong cấp uỷ và toàn thể Đảng bộ. Trên cơ sở kiểm điểm tự giác của tập thể cấp uỷ, từng đồng chí cấp uỷ viên và kết luận của Uỷ ban Kiểm tra Trung ương Đảng, Ban Bí thư Trung ương Đảng đã có các hình thức kỷ luật nghiêm khắc đối với tập thể Ban Thường vụ và cá nhân đồng chí Bí thư Tỉnh uỷ<sup>(1)</sup>, đồng chí Phó Bí thư - Chủ tịch lâm thời Uỷ ban nhân dân tỉnh<sup>(2)</sup>.

Trước tình hình đó, tháng 12-1997, Bộ Chính trị có Quyết định chỉ định đồng chí Phạm Quang Nghị, Uỷ viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tư tưởng - Văn hoá Trung ương tham gia Ban Chấp hành, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ Hà Nam và giữ chức Bí thư Tỉnh uỷ lâm thời tỉnh Hà Nam.

Mặc dù phải giải quyết những khó khăn của thời kỳ đầu sau khi tỉnh được tái lập, nhưng Đảng bộ vẫn quan tâm đến củng cố chính quyền, hoạt động của Hội đồng nhân dân. Ngày 20-7-1997, Đảng bộ đã chỉ đạo tốt cuộc bầu cử Quốc hội khoá X và bầu bổ sung Hội đồng nhân dân tỉnh nhiệm kỳ (1994-1999). Ngay từ buổi sáng của ngày bầu cử, ở khắp các địa bàn trong tỉnh tràn ngập không khí phấn khởi của ngày hội chính trị. Toàn tỉnh có 468.654 cử tri, chiếm 99,78% tổng số cử tri của cả tỉnh đi

---

(1). Cách chức Uỷ viên Ban Chấp hành Đảng bộ lâm thời tỉnh Hà Nam đối với đồng chí Lê Văn Yên - Quyết định số 366-QĐNS/TW, ngày 13/02/1998.

(2). Cách chức Phó Bí thư Tỉnh uỷ lâm thời đối với đồng chí Phạm Quang Tôn - Quyết định số 367-QĐNS/TW, ngày 13/02/1998.

bỏ phiếu, kết quả đã bầu được 5 đại biểu Quốc hội (khoá X) và 22 đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh. Cuộc bầu cử đã diễn ra nghiêm túc, an toàn, đúng luật, thể hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ của cử tri trong việc xây dựng chính quyền của dân, do dân, vì dân.

Bộ máy chính quyền các cấp chủ động, sáng tạo trong việc quản lý, tổ chức thực hiện nhiệm vụ chính trị ở địa phương. Quán triệt Nghị quyết số 01 của Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh và các nghị quyết, chỉ thị của Đảng, Nhà nước, Ủy ban nhân dân tỉnh đã khẩn trương xây dựng chương trình, kế hoạch, tổ chức thực hiện có hiệu quả các nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, tạo nên phong trào thi đua sôi nổi trong các tầng lớp nhân dân. Thực hiện tốt hơn việc tiếp dân và giải quyết những khiếu nại của công dân. Phát huy quyền làm chủ để nhân dân tham gia xây dựng chính quyền trong sạch, vững mạnh.

Song song với việc củng cố, kiện toàn tổ chức đảng, chính quyền, Tỉnh uỷ chỉ đạo củng cố các đoàn thể chính trị, xã hội, chỉ đạo sát sao Đại hội của các đoàn thể chính trị - xã hội. Hội Liên hiệp Phụ nữ tỉnh tiến hành Đại hội tháng 3-1997. Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh tỉnh Đại hội tháng 4-1997. Liên đoàn Lao động tỉnh Đại hội tháng 10-1997. Mặt trận Tổ quốc tỉnh Đại hội tháng 11-1997. Hội Nông dân tỉnh tiến hành Đại hội tháng 4-1998. Đại hội của các đoàn thể tổng kết nhiệm kỳ, bầu Ban Chấp hành và đề ra phương hướng nhiệm vụ hoạt động của nhiệm kỳ mới.



Sau Đại hội, các tổ chức đoàn thể tập trung củng cố xây dựng tổ chức, động viên hội viên, đoàn viên tham gia các phong trào thi đua xây dựng phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Với chức năng, nhiệm vụ là vận động, thuyết phục các tầng lớp nhân dân thực hiện tốt các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong các phong trào cách mạng ở địa phương, mặt trận và các đoàn thể chính trị, xã hội đã có nhiều đóng góp tích cực vào những kết quả chung của tỉnh. Các phong trào thi đua đã thu hút đông đảo đoàn viên, hội viên của các đoàn thể tham gia tích cực. Điển hình là các phong trào “Toàn dân đoàn kết xây dựng cuộc sống mới ở khu dân cư”; phong trào “Phụ nữ giúp nhau xoá đói giảm nghèo”; “Nuôi con khoẻ, dạy con ngoan”; “Nữ công nhân viên chức giỏi việc nước, đảm việc nhà”; phong trào “Thanh niên lập nghiệp”, “Tuổi trẻ giữ nước”; phong trào “Nông dân sản xuất giỏi”; phong trào “Phát huy bản chất bộ đội cụ Hồ”... Các phong trào có sức thuyết phục to lớn, tạo ra không khí lao động sôi nổi, nâng cao năng suất lao động, hiệu quả công tác trong đoàn viên, hội viên.

Một năm sau ngày tách tỉnh, những khó khăn ban đầu từng bước được khắc phục. Đội ngũ cán bộ được kiện toàn, cơ sở vật chất và sinh hoạt của cán bộ, công chức tạm thời ổn định. Hoạt động của cơ quan Đảng, chính quyền, đoàn thể đã đi vào nền nếp. Kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh đã có những chuyển biến tích cực. Đây là cơ sở để Đảng bộ tỉnh Hà Nam tiếp tục lãnh đạo nhân dân xây dựng quê hương giàu đẹp.

## II. PHÁT TRIỂN KINH TẾ - XÃ HỘI THEO HƯỚNG CÔNG NGHIỆP HOÁ, HIỆN ĐẠI HOÁ

Sau một thời gian chuẩn bị, thực hiện sự chỉ đạo của Trung ương Đảng, từ ngày 02 đến ngày 05-7-1998, Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XV<sup>(1)</sup> đã được tiến hành tại nhà Văn hoá trung tâm tỉnh<sup>(2)</sup>. Dự Đại hội có 258 đại biểu chính thức đại diện cho 33.988 đảng viên toàn Đảng bộ.

Đại hội vinh dự được đón đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Khả Phiêu, cố vấn Ban Chấp hành Trung ương Đảng Đỗ Mười, các đồng chí Ủy viên Bộ Chính trị Nguyễn Văn An, Nguyễn Thị Xuân Mỹ và nhiều đồng chí lãnh đạo, chuyên viên đại diện cho các Ban của Đảng và Văn phòng Trung ương Đảng về dự.

Đại hội đã thông qua Báo cáo của Ban Chấp hành lâm thời Đảng bộ tỉnh. Báo cáo đã đi sâu đánh giá tình hình thực hiện nhiệm vụ năm 1997. Sản xuất nông nghiệp đạt mức tăng trưởng khá, tương đối toàn diện, sản xuất lương thực có tốc độ tăng nhanh, đạt đỉnh cao nhất so với trước

---

(1). Theo chỉ đạo của Trung ương, Đại hội Đảng bộ Hà Nam được tính liên tục từ các Đại hội trước khi hợp nhất và các Đại hội sau khi hợp nhất với tỉnh Nam Định, Ninh Bình. Trước khi hợp nhất với Đảng bộ tỉnh Nam Định thành lập Đảng bộ tỉnh Nam Hà (1965), Đảng bộ tỉnh Hà Nam đã tổ chức Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ V. Trong thời kỳ hợp nhất (1965-1996) diễn ra 9 lần Đại hội. Như vậy Đại hội tỉnh Hà Nam sau khi tái lập là Đại hội lần thứ XV.

(2). Nay là một phần khuôn viên vườn hoa Nam Cao, góc đối diện đường Lê Lợi.

đó, cả về diện tích, năng suất, sản lượng. Giao thông vận tải có bước phát triển mạnh, nhất là xây dựng và cải tạo đường giao thông nông thôn. Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, xây dựng, thương mại, dịch vụ, điện lực, bưu điện bước đầu đạt một số kết quả tạo điều kiện để phát triển những năm tiếp theo.

Báo cáo phân tích những tồn tại và khuyết điểm của Đảng bộ, trong đó đề cập đến vai trò lãnh đạo của một số cấp uỷ Đảng chưa ngang tầm với đòi hỏi của nhiệm vụ, sức chiến đấu của tổ chức đảng, nhất là ở cấp chi bộ còn có mặt yếu kém. Xuất phát điểm của kinh tế tỉnh Hà Nam còn thấp so với bình quân chung của cả nước và các tỉnh trong khu vực. Nền kinh tế vẫn mang tính thuần nông, sản xuất công nghiệp chưa phát triển, chưa có ngành công nghiệp mũi nhọn, chưa thu hút được đầu tư nước ngoài, thu ngân sách mới đạt trên 30% so với yêu cầu chi, chưa có nguồn thu chủ lực. Nhiều doanh nghiệp kinh doanh còn thua lỗ.

Hiệu quả việc điều hành của chính quyền từ tỉnh đến cơ sở chưa cao. Năng lực quản lý Nhà nước về kinh tế - xã hội, nhất là ở nông thôn chưa theo kịp với sự phát triển của cơ chế kinh tế thị trường. Có nơi chưa thực hiện tốt chức năng quản lý đất đai, xây dựng cơ bản và trật tự an toàn xã hội. Tỉnh uỷ, Uỷ ban nhân dân tỉnh chưa đề ra được cơ chế, chính sách cụ thể thu hút trí tuệ, lao động, đối tác đầu tư cho phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh. Cán bộ quản lý, cán bộ khoa học kỹ thuật, chuyên gia giỏi ở một số ngành còn ít.

Đại hội đã thảo luận và thống nhất đề ra phương hướng phát triển kinh tế - xã hội đến năm 2000 là: *Tiếp tục tập trung đẩy mạnh phát triển nông nghiệp toàn diện theo hướng thâm canh, tăng vụ, tăng nhanh nông sản hàng hoá. Đảm bảo vững chắc về lương thực cho người và các nhu cầu khác. Khai thác mọi tiềm năng, thế mạnh của tỉnh, đặc biệt là nguồn tài nguyên đá vôi và đất sét được tập trung ở phía Tây của tỉnh. Tăng cường đầu tư phát triển mạnh công nghiệp sản xuất và chế biến vật liệu xây dựng, coi đây là ngành công nghiệp chủ lực, có tính chất mũi nhọn của tỉnh trước mắt cũng như lâu dài. Đồng thời phát triển công nghiệp dệt, may, chế biến nông sản xuất khẩu, công nghiệp cơ khí, tiểu thủ công nghiệp, mở rộng làng nghề. Tích cực thu hút đầu tư từ các nguồn liên doanh, liên kết, hợp tác trong và ngoài nước. Đẩy mạnh các hoạt động dịch vụ, thương mại, du lịch, xuất nhập khẩu có hiệu quả. Thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi cơ cấu kinh tế của tỉnh theo hướng: tăng nhanh tỷ trọng công nghiệp, dịch vụ, giảm tỷ trọng nông nghiệp trong GDP. Phát triển lực lượng sản xuất đi đôi với củng cố và tăng cường quan hệ sản xuất xã hội chủ nghĩa trong nền kinh tế thị trường dưới sự lãnh đạo của Đảng và quản lý của Nhà nước. Cải thiện đời sống vật chất tinh thần của nhân dân, giữ gìn, phát huy truyền thống, bản sắc văn hoá của dân tộc, của quê hương. Giữ vững an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội. Xây dựng nền quốc phòng toàn dân, thế trận chiến tranh nhân dân và khu vực phòng thủ vững chắc. Phấn đấu đưa Hà Nam thành tỉnh giàu mạnh, văn minh.*

Trên cơ sở phương hướng, Đại hội đặt ra các chỉ tiêu phấn đấu cụ thể cho từng lĩnh vực, ngành nghề.

Tăng trưởng kinh tế (GDP) bình quân 3 năm đạt khoảng 14%/năm. Cơ cấu kinh tế năm 2000:

Tổng GDP: 100%

Công nghiệp, xây dựng: 27%

Nông nghiệp: 36%

Thương mại, dịch vụ: 37%

Giá trị sản lượng nông nghiệp tăng bình quân 4,5%/năm (trong đó trồng trọt tăng 4,2%, chăn nuôi tăng 9,3%). Lương thực đạt 380.000 tấn/năm. Bình quân lương thực 450kg/người/năm. Giá trị thu nhập bình quân trên ha canh tác năm 1998 từ 22-23 triệu đồng và tăng bình quân mỗi năm từ 5-6%.

Giá trị sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tăng bình quân 29%/năm.

Doanh số thương mại và dịch vụ tăng bình quân 15%/năm.

Phấn đấu từng bước khắc phục tình trạng mất cân đối thu, chi ngân sách.

Giá trị xuất khẩu hàng năm phấn đấu tăng trưởng đạt tỷ lệ 30%.

Giảm tỷ lệ sinh từ 0,63‰ đến 0,7‰/năm.

Phấn đấu thu nhập bình quân GDP đầu người đến năm 2000 đạt 3.300.000 đồng. Trong 3 năm, tạo thêm từ 15.000 đến 20.000 việc làm. Giảm tỷ lệ hộ nghèo còn dưới 10%.

Phấn đấu hàng năm có 70% tổ chức cơ sở Đảng trở lên đạt danh hiệu trong sạch, vững mạnh.

Ngày 04-7-1998, Đại hội nghe đồng chí Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng Lê Khả Phiêu phát biểu chỉ đạo Đại hội.

Đại hội đã bầu Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh (khoá XV) gồm 39 đồng chí. Trong phiên họp Ban Chấp hành Đảng bộ lần thứ nhất, bầu Ban Thường vụ Tỉnh uỷ gồm 10 đồng chí; đồng chí Phạm Quang Nghị được bầu làm Bí thư Tỉnh uỷ, đồng chí Tăng Văn Phả làm Phó Bí thư Thường trực Tỉnh uỷ, đồng chí Đinh Văn Cương làm Phó Bí thư Tỉnh uỷ.

Bước vào thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội 3 năm (1998- 2000), bên cạnh những thuận lợi, Hà Nam đứng trước những khó khăn và thách thức lớn: Điểm xuất phát về kinh tế thấp, cơ cấu kinh tế còn nặng nề về nông nghiệp, công nghiệp địa phương nhỏ bé, chưa thu hút được đầu tư nước ngoài, nhiều chỉ tiêu kinh tế thấp so với các tỉnh đồng bằng sông Hồng và cả nước. Thu ngân sách đạt tỷ lệ còn thấp so với yêu cầu chi. Yêu cầu vốn xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội nói chung, của thị xã Phủ Lý và trụ sở làm việc của các cơ quan tỉnh rất lớn. Trong khi đó sự cạnh tranh trong khu vực ngày càng gay gắt, quá trình phát triển của tỉnh đối đầu với nguy cơ tụt hậu cao, đòi hỏi Đảng bộ phải nhanh chóng tìm ra cách khắc phục để vươn lên.

Trong bối cảnh đó, Đảng bộ tập trung chỉ đạo triển khai chủ trương của Đảng và Nhà nước về những vấn đề

liên quan đến phát triển sản xuất nông nghiệp, nhằm phát huy thế mạnh của tỉnh nông nghiệp, tạo đà cho công nghiệp, thủ công nghiệp phát triển.

Thực hiện Chỉ thị số 08/CT-TTg, ngày 18-02-1998 của Thủ tướng Chính phủ *Về tổng kết 5 năm thi hành Luật Đất đai* và Chỉ thị số 10/CT-TTg, ngày 20-02-1998 của Thủ tướng Chính phủ *Về việc đẩy mạnh và hoàn thành giao đất, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp*, ngày 07-5-1998, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ ra Chỉ thị số 10-CT/TU *Về việc Tăng cường quản lý sử dụng đất đai*. Chỉ thị yêu cầu: Các đơn vị chỉ đạo làm tốt việc kiểm kê tài sản cố định là đất theo sự chỉ đạo của Trung ương; triển khai việc làm thủ tục về hợp đồng cho thuê đất đối với các doanh nghiệp; thu hồi đất đai sử dụng sai mục đích hoặc sử dụng không hiệu quả; đẩy nhanh tiến độ đo đạc, cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho hộ nông dân nhằm tạo ra động lực phát triển sản xuất nông nghiệp, nông thôn và tạo điều kiện quản lý đất đai tốt hơn. Đến năm 2000, toàn tỉnh đã cơ bản hoàn thành đo đạc, hoàn thiện hồ sơ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nông nghiệp đến hộ nông dân.

Để khắc phục tình trạng ruộng đất giao manh mún, phân tán ở nhiều nơi, ngày 04-5-2000, Ban Thường vụ Tỉnh uỷ đã ra Chỉ thị số 15-CT/TU *Về việc chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp, nhằm khắc phục tình trạng manh mún, phân tán ruộng đất*. Chỉ thị nêu rõ cần phải tuyên truyền rõ lợi ích của việc chuyển đổi ruộng đất nông nghiệp; khuyến khích các hộ nông dân bàn bạc dân chủ, tự nguyện,



*Đồng chí Lê Khả Phiêu, Tổng Bí thư Ban Chấp hành Trung ương Đảng, phát biểu ý kiến chỉ đạo tại Đại hội Đại biểu Đảng bộ tỉnh Hà Nam lần thứ XV, năm 1998*



tự giác thực hiện chuyển đổi, dồn điền đổi thửa phấn đấu để mỗi hộ không nên quá 5 thửa đất nông nghiệp, những nơi có điều kiện làm trang trại thì mỗi hộ nên có 1 đến 2 thửa, tạo thế cho nông nghiệp phát triển. Nhiều địa phương đã phát huy sự sáng tạo trong quá trình thực hiện Chỉ thị. Huyện Duy Tiên là đơn vị triển khai sớm được nhiều địa phương đến học tập. Hết năm 2000, toàn tỉnh có 49/110 xã, thị trấn thực hiện xong bước 2 chuyển đổi ruộng đất cho hộ nông dân. Riêng huyện Kim Bảng đã cơ bản hoàn thành việc dồn đổi ô thửa trên địa bàn huyện, bình quân mỗi hộ xã viên có từ 4 đến 5 thửa.

Tiếp tục thực hiện Nghị quyết Trung ương 5 (khoá VII) về đổi mới quản lý trong các hợp tác xã theo Luật Hợp tác xã, các ngành, các cấp của tỉnh đã nghiên cứu đánh giá thực trạng 156 hợp tác xã nông nghiệp trong toàn tỉnh. Trên cơ sở đó, Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh ra Nghị quyết số 01-NQ/TU, ngày 14-11-1998 về *Chuyển đổi và đổi mới tổ chức quản lý các hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã*. Phân đánh giá thực trạng các hợp tác xã nông nghiệp, Nghị quyết nêu rõ: Các hợp tác xã nông nghiệp ở tỉnh Hà Nam được thành lập từ năm 1958. Trong 40 năm xây dựng và phát triển, qua nhiều lần cải tiến tổ chức quản lý, hoạt động của các hợp tác xã đã có những chuyển biến căn bản. Đặc biệt, là từ khi thực hiện Chỉ thị 100 của Ban Bí thư Trung ương Đảng (khóa IV) và Nghị quyết 10 của Bộ Chính trị (khóa VI), phong trào hợp tác xã nông nghiệp đã đạt được những thành tựu quan trọng. Từ sản xuất cá thể tự cấp, tự túc, đã từng bước xây dựng một nền sản xuất

nông nghiệp thâm canh, chuyên canh, thực hiện thành công phong trào thuỷ lợi hoá, cải tạo đất đai canh tác, áp dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật và từng bước thực hiện cơ giới hoá, điện khí hoá vào sản xuất và chế biến nông sản thực phẩm, tăng cường xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội ở nông thôn.

Tuy nhiên, trước yêu cầu của phát triển kinh tế - xã hội trong thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước, mô hình của hợp tác xã nông nghiệp bộc lộ nhiều mặt hạn chế và yếu kém; nhất là về tổ chức và quản lý hợp tác xã chưa đạt yêu cầu. Nhiều nơi công tác quản lý bị buông lỏng hoặc lúng túng, chậm đổi mới trong điều hành sản xuất, kinh doanh của hợp tác xã.

Từ tình hình trên Nghị quyết khẳng định: Việc chuyển đổi và đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã là một yêu cầu cấp thiết cần phải thực hiện một cách khẩn trương, nghiêm túc để tạo ra bước phát triển mới mạnh mẽ ở khu vực nông nghiệp, nông thôn.

Mục đích của chuyển đổi hợp tác xã là xóa bỏ cơ chế quản lý hành chính bao cấp trong các hoạt động sản xuất kinh doanh của hợp tác xã; tăng cường lực lượng sản xuất, phát triển sản xuất nông nghiệp toàn diện, mọi hoạt động kinh tế của hợp tác xã phải nhằm thúc đẩy sự phát triển kinh tế hộ gia đình nông thôn; tổ chức chuyển đổi và đổi mới quản lý hợp tác xã nông nghiệp theo đúng nguyên tắc của hợp tác xã; phát huy dân chủ, củng cố sự đoàn kết, thống nhất, ổn định chính trị, xã hội ở khu vực nông thôn, nông nghiệp.

Nội dung thực hiện chuyển đổi theo các bước: Thành lập ban chỉ đạo; tiến hành kiểm kê, kiểm tra, kiểm toán đánh giá hiện trạng hợp tác xã nông nghiệp; đăng ký xã viên của hợp tác xã, quy định mức đóng cổ phần của xã viên và đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã. Trong đó, bước đổi mới tổ chức quản lý hợp tác xã là bước quan trọng, phải thực hiện đổi mới cả hình thức tổ chức, nội dung sản xuất kinh doanh và cơ chế quản lý kinh tế nội bộ hợp tác xã. Sau khi chuyển đổi, vai trò của Ban quản trị chủ yếu là hoạt động dịch vụ, phục vụ sản xuất kinh doanh của hộ gia đình xã viên, từ quản lý điều hành sang hợp đồng kinh tế bình đẳng giữa các chủ thể kinh doanh, đảm bảo nguyên tắc tự nguyện, cùng có lợi.

Tính đến cuối tháng 3-1999, toàn tỉnh đã có 99 xã, thị trấn thành lập Ban Chỉ đạo, 152 hợp tác xã hoàn thành kiểm kê vốn, quỹ, tài sản và công nợ; 145 hợp tác xã thành lập Ban trụ bị chuyển đổi hợp tác xã; 58 hợp tác xã xây dựng xong đề án chuyển đổi, trong đó 32 hợp tác xã đã được các huyện duyệt đề án cho tiến hành chuyển đổi hợp tác xã. Đã có 4 hợp tác xã tiến hành chuyển đổi xong là: Hợp tác xã An Đổ, Cát Lại - xã Bình Nghĩa, huyện Bình Lục; hợp tác xã Thanh Hà và Liêm Tiết, huyện Thanh Liêm. Riêng huyện Duy Tiên chỉ đạo triển khai đồng loạt việc tổ chức chuyển đổi hợp tác xã nông nghiệp theo Luật Hợp tác xã gắn với chuyển đổi ruộng đất, khắc phục ô thửa nhỏ. Hầu hết các huyện thực hiện chuyển đổi hợp tác xã theo mô hình hợp tác xã đông xã viên, với tên gọi mới là hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp, bộ máy quản lý hợp tác xã gọn nhẹ. Hoạt động

của hợp tác xã hướng vào phục vụ trực tiếp nhu cầu phát triển kinh tế hộ, chủ yếu tập trung vào những dịch vụ thiết yếu như thủy nông, điện, bảo vệ thực vật, khuyến nông, thú y. Xã viên không phải đóng góp các quỹ, các định mức dịch vụ giảm từ 1,4 đến 4,5 kg/sào/năm.

Cuối năm 1999, các hợp tác xã nông nghiệp trên địa bàn tỉnh đã hoàn thành chuyển đổi, đổi mới tổ chức quản lý theo Luật Hợp tác xã, từng bước hoạt động có hiệu quả, hỗ trợ tích cực cho kinh tế hộ phát triển. Các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp đáp ứng ngày càng tốt hơn các khâu dịch vụ phục vụ kinh tế hộ phát triển. Nhiều hợp tác xã giữ vững đơn vị sản xuất kinh doanh giỏi. Tiêu biểu là hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Yên Bắc, đơn vị Anh hùng lao động trong thời kỳ đổi mới; hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp Châu Giang, Tiên Nội, huyện Duy Tiên; Nguyễn Úy, Lê Hồ, Văn Xá, Khả Phong, huyện Kim Bảng; An Đổ, Bồ Đề, Trung Lương, huyện Bình Lục; Nhân Nghĩa, Nhân Mỹ, Đạo Lý, huyện Lý Nhân; Thanh Thủy, Thanh Nguyên, Liêm Tiết, huyện Thanh Liêm.

Bên cạnh việc tăng cường quản lý ruộng đất, dồn điền đổi thửa, chuyển đổi hợp tác xã theo Luật, Đảng bộ còn chỉ đạo đưa nhanh tiến bộ khoa học mới vào sản xuất nông nghiệp. Ngành nông nghiệp tích cực thực hiện các mô hình trình diễn khảo nghiệm như cải tạo vườn tạp, nạc hoá đàn lợn, sind hoá đàn bò, cải tạo đàn dê, sản xuất lúa lai, tưới tiêu khoa học tạo ra những cơ sở thực tiễn và khoa học cho việc chuyển dịch cơ cấu cây trồng, cơ cấu con nuôi theo hướng tăng hiệu quả kinh tế trên một đơn vị diện tích canh tác.

Điển hình là dự án sản xuất giống lúa lai F1 (Tập giao 4) được triển khai năm 2000, với 90 ha, năng suất đạt 2.900 kg/ha. Kết quả của dự án sản xuất giống lúa lai đã cung ứng 50% giống lúa lai cho vụ mùa. Sản xuất được giống lúa lai F1 phục vụ gieo cấy tại chỗ, thay thế giống nhập ngoại có ý nghĩa rất lớn đối với sản xuất nông nghiệp, vừa bảo đảm chủ động nguồn giống vừa hạ được giá thành sản xuất, góp phần chuyển đổi mạnh cơ cấu giống và tăng năng suất lúa. Cơ giới hoá sản xuất nông nghiệp nhất là khâu làm đất có chuyển biến mạnh, hàng ngàn gia đình có máy làm đất, chủ động được thời vụ.

Phong trào thi đua sản xuất nông nghiệp trong toàn tỉnh diễn ra sôi nổi, khẩn trương, phát huy được khí thế “sản xuất giỏi, năng suất, chất lượng, hiệu quả”. Phong trào đã huy động được sức mạnh tổng hợp của nông dân, khai thác ngày càng có hiệu quả nội lực về đất đai, lao động, tiền vốn trong nông thôn phục vụ sản xuất. Các cấp, các ngành đã phối hợp lồng ghép nhiều phong trào như phong trào thi đua áp dụng tiến bộ kỹ thuật, đưa nhanh giống mới vào sản xuất; phong trào làm thuỷ lợi nội đồng, kiên cố hoá kênh mương, phát triển nghề trong nông thôn, góp phần thúc đẩy chuyển dịch nhanh cơ cấu kinh tế nông nghiệp.

Chăn nuôi gia súc, gia cầm, thuỷ sản tăng về số lượng và nâng dần chất lượng. Tổng đàn gia súc, gia cầm và sản lượng thịt hàng năm tăng nhanh. Đàn lợn tăng từ 251.628 con năm 1998, lên 278.440 con năm 2000. Sản lượng thịt lợn hơi xuất chuồng năm 2000 đạt 24.220 tấn, vượt kế hoạch

3,5%. Đàn trâu bò có 31.130 con năm 1998, tăng lên 32.690 con năm 2000. Đàn gia cầm năm 2000 đạt 2.573 ngàn con.

Đặc biệt ở các huyện Thanh Liêm và Kim Bảng đã khôi phục nhanh đàn dê đặc sản, hết năm 2000 có 15.000 con. Phong trào nuôi ong, nuôi tằm được khôi phục, phát triển. Năm 1999, vào mùa thu hoạch mật hoa nhãn, toàn tỉnh có 3.530 đàn ong và đã cho sản lượng mật là 44.147 kg, xấp xỉ tổng sản lượng mật cả năm 1998. Về năng suất bình quân đạt 12,5 kg/đàn (cả năm 1998 chỉ đạt 2,5 kg/đàn). Tổng giá trị đạt trên 1 tỷ đồng. Hai huyện khá nhất là Lý Nhân và Kim Bảng đạt sản lượng cao. Cá biệt, xã Tân Sơn, huyện Kim Bảng thu 10.576 kg, bình quân 29,2 kg/đàn; Yên Bắc, huyện Duy Tiên thu 1.876 kg, bình quân 14 kg/đàn.

Để chăn nuôi phát triển tốt, công tác thú y có nhiều cố gắng, các trạm thú y đã bám sát cơ sở triển khai tiêm phòng định kỳ cho đàn gia súc, gia cầm không để xảy ra dịch bệnh, nhất là dịch lở mồm long móng.

Các địa phương trong tỉnh tận dụng mặt nước ao, hồ, ruộng cấy một vụ lúa để nuôi thủy sản. Năm 2000, tổng diện tích đạt 4.507 ha, sản lượng cá, tôm đạt 4.250 tấn, tăng 9,2% so với cùng kỳ. Nhiều mô hình thủy sản được áp dụng trong sản xuất như mô hình một lúa cộng một cá, mô hình đa canh, mô hình nuôi tôm càng xanh. Chăn nuôi phát triển góp phần nâng cao đời sống vật chất của nhân dân, đây còn là hướng phát triển tăng thu nhập cho hộ nông dân, tạo việc làm cho người lao động.

Đất lâm nghiệp tập trung ở 2 huyện Kim Bảng và Thanh Liêm. Tỉnh chủ trương phát triển kinh tế đồi rừng, khai thác có hiệu quả tiềm năng, thế mạnh vùng đồi rừng. Thực hiện chủ trương của tỉnh, các địa phương đã tiến hành quy hoạch sản xuất, giao đất khoán rừng, phát động phong trào cải tạo vườn tạp để trồng cây ăn quả, cây phòng hộ, nhằm phát triển kinh tế ổn định, bền vững. Phong trào trồng cây, cải tạo vườn tạp, bảo vệ rừng được nhân dân các xã miền núi tích cực hưởng ứng. Ba năm (1998-2000) đã trồng mới 730 ha rừng, trên 3 triệu cây các loại, trong đó 80% là cây ăn quả, có nhiều vườn cây đặc sản có giá trị kinh tế cao. Các loại cây ăn quả có giá trị như na dai, nhãn, vải, hồng không hạt được đưa vào trồng đại trà.

Thực hiện chương trình cả nước trồng 5 triệu ha rừng, năm 2000, tuy thời tiết không thuận cho trồng rừng, song các địa phương trong tỉnh đã cố gắng đảm bảo trồng 182,3 ha rừng tập trung, khoanh nuôi tái sinh 1.980 ha. Tích cực phòng trừ dịch sâu róm phá hại rừng thông.

Sản xuất nông nghiệp đã có bước chuyển quan trọng, tập trung chuyển đổi cơ cấu mùa vụ, cơ cấu cây trồng, vật nuôi có năng suất cao. Một số cây màu, cây công nghiệp ngắn ngày có giá trị kinh tế cao đã được đưa vào sản xuất như dưa chuột xuất khẩu, dưa chuột bao tử, bí xanh, lạc, đậu tương, phát triển và mở rộng nghề trồng nấm xuất khẩu. Chú trọng nuôi con đặc sản như cá chim trắng, tôm càng xanh, ba ba. Các mô hình kinh tế trang trại, chăn nuôi bằng thức ăn công nghiệp đã tạo cho nông nghiệp có bước chuyển dịch theo hướng sản xuất hàng hoá. Nâng

cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp. Chỉ đạo kịp thời khắc phục thiên tai, chống hạn, phòng trừ sâu bệnh, diệt chuột có hiệu quả. Do đó, kết quả sản xuất nông nghiệp trong 3 năm (1998-2000) được đánh giá là thành tích nổi bật trong phát triển kinh tế của tỉnh. Đặc biệt là sản xuất lương thực, ba năm liền được mùa lớn, năng suất, sản lượng lúa liên tục tăng. Năm 1998, sản lượng lương thực quy thóc đạt 399.743 tấn, năm 2000 tăng lên 409.000 tấn. Bình quân lương thực đầu người từ 480,8 kg năm 1998, tăng lên 505 kg năm 2000. Năm 1999, năng suất lúa cao nhất đạt 10,2 tấn/ha/năm; sản lượng lương thực quy thóc đạt 424.000 tấn; bình quân lương thực đầu người đạt 530 kg/năm. Huyện Duy Tiên có năng suất lúa cả năm cao nhất tỉnh đạt 106,83 tạ/ha. Bình quân, 3 năm (1998-2000) giá trị sản xuất nông nghiệp tăng 4,6%, thu nhập trên một ha canh tác bình quân đạt 25-26 triệu đồng/năm, sản lượng lương thực quy thóc đạt 413.000 tấn, vượt chỉ tiêu Đại hội 8,7%.

Trong công tác phát triển nông thôn, Đảng bộ đã chỉ đạo ngành nông nghiệp đánh giá thực trạng để đề ra giải pháp phát triển kinh tế trang trại, làm cơ sở hoàn thành quy hoạch phát triển kinh tế trang trại trong toàn tỉnh. Tính đến tháng 9-1998, qua điều tra sơ bộ toàn tỉnh Hà Nam có 7 hộ gia đình nhận khoán các vùng đồi rừng, bãi bồi, đầm ao, để tiến hành đầu tư cải tạo lại. Mô hình trang trại chưa hình thành rõ nét, thực tế vẫn là sản xuất kinh tế hộ nhỏ lẻ, sử dụng lao động gia đình là chủ yếu, sản phẩm chưa thực sự mang tính hàng hoá.